

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 66

QUẢN LÝ

M.S.C.N.12  
KI  
Q.TÂN

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Thành	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2023)
Ông Lê Vũ Hoàng	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2023)
Ông Rodrigo Emmanuel Franco	Phó Chủ tịch
Ông Lê Quốc Bình	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Chính	Thành viên
Ông Christopher Daniel C. Lizo	Thành viên
Ông Francis Gerard Elizaga Aberilla	Thành viên
Ông Lê Văn Nam	Thành viên (bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2023)
Ông Dương Trường Hải	Thành viên (miễn nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2023)

#### Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2023)
Ông Trần Ngọc Tiến	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2023)
Bà Dương Thị Long Nghi	Thành viên
Bà Lương Kim Diên An	Thành viên

#### Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Chính	Tổng Giám đốc
Ông Francis Gerard Elizaga Aberilla	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Trí	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 1 tháng 6 năm 2023)
Ông Lê Trung Hiếu	Giám đốc Tài chính

#### Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Nguyễn Văn Chính - Tổng Giám đốc Công ty.

#### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế AGN International.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Nguyễn Văn Chính**  
**Tổng Giám đốc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 6 tháng 3 năm 2024





**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.727.961.289.823</b>	<b>1.244.384.275.923</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>705.492.714.069</b>	<b>97.843.229.219</b>
1. Tiền	111		537.926.917.095	25.614.401.461
2. Các khoản tương đương tiền	112		167.565.796.974	72.228.827.758
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>7.595.478.187</b>	<b>565.775.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.12	7.595.478.187	565.775.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>992.788.275.552</b>	<b>1.119.559.946.553</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	45.803.648.858	52.989.866.812
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	23.697.266.059	18.528.602.576
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	589.236.587.513	589.925.628.040
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	429.519.989.760	498.728.743.086
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(95.469.216.638)	(40.612.893.961)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.7</b>	<b>6.149.680.853</b>	<b>17.298.527.842</b>
1. Hàng tồn kho	141		6.149.680.853	17.298.527.842
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>15.935.141.162</b>	<b>9.116.797.309</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	4.496.178.977	2.178.646.878
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		9.484.369.421	4.817.234.129
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.17	1.954.592.764	2.120.916.302



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>21.185.742.049.392</b>	<b>11.505.699.006.441</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.212.632.401.892</b>	<b>1.735.950.146.902</b>
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.4	-	429.000.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.5	1.212.632.401.892	1.306.950.146.902
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>16.386.593.371.503</b>	<b>6.814.117.887.136</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	11.948.696.630	9.574.363.377
- Nguyên giá	222		44.766.654.459	32.111.362.791
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(32.817.957.829)	(22.536.999.414)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	16.374.644.674.873	6.804.543.523.759
- Nguyên giá	228		19.016.821.504.351	8.782.247.279.893
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.642.176.829.478)	(1.977.703.756.134)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>68.329.293.026</b>	<b>58.625.364.963</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	68.329.293.026	58.625.364.963
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.12</b>	<b>-</b>	<b>869.167.010.832</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.12	-	869.167.010.832
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.518.186.982.971</b>	<b>2.027.838.596.608</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	2.996.374.313.415	1.722.384.544.912
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.13	242.262.851.822	262.578.048.208
3. Lợi thế thương mại	269	V.14	279.549.817.734	42.876.003.488
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>22.913.703.339.215</b>	<b>12.750.083.282.364</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>17.729.845.316.439</b>	<b>7.906.613.470.479</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>3.101.256.166.008</b>	<b>2.222.581.550.638</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	623.382.509.096	237.229.239.219
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	464.506.440.889	464.322.254.889
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	17.029.012.153	12.669.680.411
4. Phải trả người lao động	314		27.644.377.314	12.176.016.183
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	140.145.564.926	71.218.871.642
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19	806.279.082.312	568.018.121.912
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20	1.017.431.310.220	853.563.479.817
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.837.869.098	3.383.886.565
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>14.628.589.150.431</b>	<b>5.684.031.919.841</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.19	2.341.710.078.857	131.519.284.964
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20	12.119.698.308.621	5.518.385.381.420
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.13	167.180.762.953	34.127.253.457
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>5.183.858.022.776</b>	<b>4.843.469.811.885</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.21</b>	<b>5.183.858.022.776</b>	<b>4.843.469.811.885</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.928.547.650.000	1.928.547.650.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.928.547.650.000	1.928.547.650.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.657.748.096	3.657.748.096
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		106.028.174.597	106.028.174.597
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.464.945.181.375	1.471.639.564.814
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		889.062.770.762	1.180.392.007.974
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		575.882.410.613	291.247.556.840
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.680.679.268.708	1.333.596.674.378
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300 + 400)	<b>440</b>		<b>22.913.703.339.215</b>	<b>12.750.083.282.364</b>

  
Phùng Thị Thắm  
Người lập biểu

  
Lương Thị Thu Yên  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Văn Chính  
Tổng Giám đốc

Ngày 6 tháng 3 năm 2024



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2023	2022
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>VI.1</b>	<b>1.702.630.820.294</b>	<b>1.447.394.346.192</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	105.606.623.638	106.692.788.920
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>VI.1</b>	<b>1.597.024.196.656</b>	<b>1.340.701.557.272</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	526.737.780.940	519.779.791.073
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>1.070.286.415.716</b>	<b>820.921.766.199</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	418.227.268.368	92.189.051.837
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	345.210.640.419	298.785.813.177
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		344.029.156.218	293.974.293.452
8. Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24	V.12	69.551.025.106	37.186.550.445
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	114.902.865.864	107.658.614.261
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	131.139.415.722	57.840.805.877
<b>11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)]</b>	<b>30</b>		<b>966.811.787.185</b>	<b>486.012.135.166</b>
12. Thu nhập khác	31	VI.7	5.312.057.117	434.235.353
13. Chi phí khác	32	VI.8	6.937.231.491	638.607.366
<b>14. Lỗ khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>(1.625.174.374)</b>	<b>(204.372.013)</b>
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>965.186.612.811</b>	<b>485.807.763.153</b>
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.10	22.934.640.579	22.398.322.514
17. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52	V.13	15.023.059.699	818.239.359
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>927.228.912.533</b>	<b>462.591.201.280</b>
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	61		691.595.269.613	291.247.556.840
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		235.633.642.920	171.343.644.440
<b>21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>VI.11</b>	<b>3.564</b>	<b>1.489</b>



Phùng Thị Thắm  
Người lập biểu



Lương Thị Thu Yến  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Chính  
Tổng Giám đốc

Ngày 6 tháng 3 năm 2024

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2023	2022
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	965.186.612.811	485.807.763.153
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định và phân bổ lợi thế thương mại	02	405.289.651.519	418.596.514.640
Các khoản dự phòng	03	51.176.018.182	12.391.877.014
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(471.553.468.484)	(123.536.242.863)
Chi phí lãi vay	06	344.029.156.218	293.974.293.452
Các khoản điều chỉnh khác	07	95.169.583.497	100.853.429.501
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	1.389.297.553.743	1.188.087.634.897
Giảm/(Tăng) các khoản phải thu	09	1.845.169.777	(7.512.783.243)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(1.278.771.651)	8.736.119.776
Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	2.527.264.684	19.915.692.686
Tăng chi phí trả trước	12	14.108.344.108	(52.524.778.908)
Tiền lãi vay đã trả	14	(1.238.734.351.855)	(725.886.686.450)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(21.450.431.690)	(22.621.115.994)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.558.516.519)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>143.756.260.597</b>	<b>408.194.082.764</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(309.421.812.517)	(74.720.694.967)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	100.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(446.529.703.187)	(751.397.121.088)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	684.757.382.408	100.617.054.595
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(169.231.230.225)	(3.896.453.288)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	93.449.775.437	19.387.645.509
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(146.875.588.084)</b>	<b>(710.009.569.239)</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT** (tiếp theo)  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2023		2022	
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>					
1. Tiền thu từ đi vay	33	12.544.951.331.800		1.672.016.629.052	
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(11.561.759.851.233)		(1.362.016.997.402)	
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(372.422.668.230)		(92.797.469.599)	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>610.768.812.337</b>		<b>217.202.162.051</b>	
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>607.649.484.850</b>		<b>(84.613.324.424)</b>	
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>97.843.229.219</b>		<b>182.456.553.643</b>	
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)</b>	<b>70</b>	<b>705.492.714.069</b>		<b>97.843.229.219</b>	



**Phùng Thị Thắm**  
Người lập biểu



**Lương Thị Thu Yến**  
Kế toán trưởng



**Nguyễn Văn Chính**  
Tổng Giám đốc

Ngày 6 tháng 3 năm 2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (gọi tắt là "Công ty") được chuyển đổi từ Công ty Cổ phần Cơ khí Lữ Gia, một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập năm 1978 theo Quyết định số 8032/QĐ-UB-KT ngày 28 tháng 12 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300482241 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 8 tháng 3 năm 2000 và thay đổi lần thứ 22 ngày 22 tháng 4 năm 2022 về việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty.

Vốn điều lệ của Công ty là 1.928.547.650.000 đồng, được chia thành 192.854.765 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh ("CII"), trụ sở chính tại Tầng 12, 152 Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ là 54,84%.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 477-479 An Dương Vương, Phường 11, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: CII Bridges & Roads Investment Joint Stock Company, tên viết tắt là: CII Bridges And Roads.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, mã cổ phiếu: LGC.

Tổng số nhân viên của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 lần lượt là 270 và 100 người.

**Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty: lắp đặt hệ thống điện; sản xuất thiết bị điện; sửa chữa thiết bị điện; hoạt động kiến trúc, tư vấn kỹ thuật có liên quan; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; sản xuất các cấu kiện kim loại; sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại; lắp đặt hệ thống xây dựng khác; bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh; giáo dục nghề nghiệp; xây dựng công trình công ích; xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; chuẩn bị mặt bằng; khai thác xử lý và cung cấp nước; lắp đặt hệ thống cấp thoát nước; kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là đầu tư xây dựng, khai thác, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật đô thị theo phương thức hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (B.O.T); hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT); thi công xây lắp hệ thống thiết bị chiếu sáng công cộng, duy tu bảo dưỡng công trình công cộng.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của hoạt động đầu tư của Công ty bắt đầu từ thời điểm xin giấy phép đầu tư, thực hiện giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ bản cho đến thời điểm hoàn thành đưa vào sử dụng. Do vậy, chu kỳ sản xuất kinh doanh của các hoạt động này ước tính trong vòng từ 24 tháng đến 60 tháng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của các hoạt động khác của Công ty thông thường được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT** (tiếp theo)

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Tên công ty	31/12/2023				01/01/2023				Hoạt động chính	
	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)		Tỷ lệ lợi ích (%)		Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)		Tỷ lệ lợi ích (%)			
	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)		
1. Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	89%	89%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	Tp. Hồ Chí Minh	Đầu tư, xây dựng đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận
2. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	51%	51%	0%	0%	51%	51%	51%	0%	Tp. Hồ Chí Minh	Đầu tư dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội
3. Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	100%	100%	0%	0%	100%	100%	100%	0%	Tp. Hồ Chí Minh	Đầu tư dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua tỉnh Ninh Thuận
4. Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	50,36%	50,71%	0%	0%	50,36%	50,71%	50,71%	0%	Tỉnh Bến Tre	Đầu tư dự án B.O.T xây dựng cầu Rạch Miễu và mở rộng 4 đoạn tuyến Quốc lộ 60
5. Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	51%	51%	0%	0%	51%	51%	51%	0%	Tp. Hồ Chí Minh	Đầu tư dự án B.O.T xây dựng cầu Cổ Chiên nối tỉnh Trà Vinh và tỉnh Bến Tre
6. Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình	99,99%	99,99%	0%	0%	99,99%	99,99%	99,99%	0%	Tp. Hồ Chí Minh	Đầu tư vào các công ty dự án cầu đường
7. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	99,99%	99,99%	0%	0%	99,99%	99,99%	99,99%	0%	Tp. Hồ Chí Minh	Đầu tư dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua Tp. Phan Rang - Tháp Chàm
8. Công ty Cổ phần Dịch vụ Quản lý Khai thác Cầu đường CII	66,67%	66,67%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	Tỉnh Bình Dương	Cung cấp dịch vụ thu phí giao thông, duy trì bảo dưỡng cầu đường, trồng và chăm sóc cây xanh và các dịch vụ hạ tầng khác
9. Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG (Đầu tư gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình)	99,99%	99,99%	0,00%	99,99%	99,99%	99,99%	0%	99,99%	Tỉnh Bình Dương	Đầu tư dự án B.O.T nâng cấp mở rộng đường ĐT 741



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT** (tiếp theo)**Cấu trúc doanh nghiệp** (tiếp theo)

Ngày 23 tháng 10 năm 2023, Công ty đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng số cổ phần tương đương với 39% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận từ Công ty Cổ phần Đầu tư Tuấn Lộc, nâng tỷ lệ sở hữu vốn tại Công ty Trung Lương - Mỹ Thuận từ 50% lên 89%, theo đó, Công ty Trung Lương - Mỹ Thuận từ công ty liên doanh trở thành công ty con của Công ty kể từ ngày này.

Trong năm 2023, Công ty đã tham gia góp vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Quản lý Khai thác Cầu đường CII ("CIIBR O&M"), (tên cũ là Công ty TNHH Dịch vụ MCSC) với số tiền 20 tỷ đồng, tương ứng với tỷ lệ 66,67% vốn điều lệ. Theo đó, Công ty CIIBR O&M trở thành công ty con của Công ty từ quý 3 năm nay.

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC và Thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất là có thể so sánh được.

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH****Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất :

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

**Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Trường hợp trước ngày Công ty đạt được quyền kiểm soát, Công ty không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc, khi đạt được quyền kiểm soát đối với công ty con, Công ty đánh giá lại giá trị khoản đầu tư trước đây theo giá trị hợp lý tại ngày kiểm soát công ty con trên báo cáo tài chính hợp nhất. Phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trường hợp trước ngày Công ty đạt được quyền kiểm soát, công ty con là công ty liên kết, liên doanh của Công ty và đã được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khi đạt được quyền kiểm soát, Công ty đánh giá lại giá trị khoản đầu tư theo giá trị hợp lý trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Hợp nhất kinh doanh** (tiếp theo)

Phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào các chỉ tiêu thuộc phần vốn chủ sở hữu của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Ảnh hưởng của các giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Công ty trong các công ty con nhưng không làm mất đi quyền kiểm soát được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

**Góp vốn liên doanh**

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính hợp nhất của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát ("công ty liên doanh") theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bất kỳ lợi thế kinh doanh nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Công ty áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu để trình bày khoản đầu tư vào công ty liên doanh trong báo cáo tài chính hợp nhất. Theo đó, các khoản đầu tư vào công ty liên doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và sau đó giá trị ghi sổ được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần sở hữu của Công ty trong lãi hoặc lỗ của bên được đầu tư sau ngày đầu tư. Các khoản được chia từ bên được đầu tư phải hạch toán giảm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Việc điều chỉnh giá trị ghi sổ cũng phải thực hiện khi lợi ích của nhà đầu tư thay đổi phát sinh từ các khoản thu nhập được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu của bên được đầu tư, như việc đánh giá lại tài sản cố định, chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính.

Khi phần sở hữu của nhà đầu tư trong khoản lỗ của công ty liên doanh bằng hoặc vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư, Công ty không phải tiếp tục ghi nhận các khoản lỗ phát sinh sau đó trừ khi Công ty có nghĩa vụ pháp lý theo hợp đồng hoặc thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết các khoản nợ mà Công ty đã đảm bảo hoặc cam kết trả. Nếu sau đó công ty liên doanh hoạt động có lãi, Công ty chỉ được ghi nhận phần sở hữu của mình trong khoản lãi đó sau khi đã bù đắp được phần lỗ thuần chưa được hạch toán trước đây.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Góp vốn liên doanh** (tiếp theo)

Báo cáo tài chính của công ty liên doanh được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty.

Khi Công ty thoái một phần vốn trong công ty liên doanh, lãi hoặc lỗ từ giao dịch sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trong trường hợp Công ty hoặc các công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên doanh, lãi hoặc lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần sở hữu của Công ty vào công ty liên doanh phải được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

**Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư.

Lợi thế thương mại từ việc mua công ty con được coi là một loại tài sản vô hình, được trình bày riêng như một loại tài sản dài hạn khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm. Định kỳ, Công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con. Nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty không phân bổ dần khoản lợi thế thương mại này.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi hoặc lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

**Lãi từ nghiệp vụ mua giá rẻ**

Lãi phát sinh do giao dịch mua rẻ là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết, và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày phát sinh nghiệp vụ mua công ty so với giá phí hợp nhất kinh doanh. Lãi phát sinh do giao dịch mua rẻ được hạch toán ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại thời điểm phát sinh.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn** (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ báo cáo được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

**Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay là các khoản cho vay theo thỏa thuận giữa các bên nhưng không được giao dịch mua bán trên thị trường như chứng khoán.

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho khác được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất. Chi phí trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất không được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp cho đến khi hàng được thanh lý.

Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ báo cáo được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước phát sinh chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay của dự án B.O.T, chi phí sửa chữa, trung tu cầu đường, chi phí liên quan đến thủ tục vay vốn và các khoản chi phí trả trước khác.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các dự án B.O.T phát sinh trong giai đoạn sau khi nghiệm thu, chờ thu phí và giai đoạn thu phí được ghi nhận là một khoản chi phí trả trước. Chi phí này được phân bổ vào kết quả kinh doanh theo tỷ lệ doanh thu thu phí giao thông của từng dự án. Công ty sẽ điều chỉnh tỷ lệ phân bổ lãi vay khi phương án tài chính của dự án thay đổi do cập nhật dòng tiền thu phí theo lưu lượng xe thực tế nhằm đảm bảo lợi nhuận từ hoạt động thu phí hàng năm tương ứng với số lãi vốn chủ sở hữu mà Công ty được hưởng trên số vốn đầu tư vào dự án chưa thu hồi với tỷ suất lợi nhuận theo hợp đồng B.O.T.

Các khoản chi phí sửa chữa, trung tu cầu đường được thực hiện theo quy định của hợp đồng B.O.T và được phân bổ theo thời gian sửa chữa, trung tu định kỳ của từng dự án.

Các khoản chi phí làm thủ tục vay vốn liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty được phân bổ theo thời gian thực tế của khoản vay.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

**Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc, thiết bị	5 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 8

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm giá trị quyền thu phí giao thông, quyền sử dụng đất và chương trình phần mềm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Tài sản cố định vô hình** (tiếp theo)

Quyền thu phí giao thông là tài sản cố định vô hình có được từ hợp đồng B.O.T được ký giữa Công ty với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Nguyên giá của tài sản được xác định theo giá trị quyết toán của dự án trên cơ sở là các chi phí mà Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư vào dự án và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận. Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo tỷ lệ doanh thu phù hợp với thời gian khai thác thu phí hoàn vốn. Công ty sẽ điều chỉnh tỷ lệ khấu hao khi phương án tài chính của dự án thay đổi do cập nhật dòng tiền thu phí theo lưu lượng xe thực tế nhằm đảm bảo lợi nhuận từ hoạt động thu phí hàng năm tương ứng với số lãi vốn chủ sở hữu mà Công ty được hưởng trên số vốn đầu tư vào dự án chưa thu hồi với tỷ suất lợi nhuận theo hợp đồng B.O.T.

Quyền thu phí giao thông mà Công ty có được thông qua việc mua lại công ty con được vốn hóa và ghi nhận như một tài sản cố định vô hình. Giá trị hợp lý của các Quyền thu phí có được từ việc hợp nhất kinh doanh, được xác định bằng cách sử dụng phương pháp chiết khấu dòng tiền thu phí trong tương lai, giá trị của quyền thu phí được định giá sau khi đã trừ đi phần giá trị hợp lý cho các tài sản góp phần tạo ra luồng lưu chuyển tiền đó. Phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ của tài sản tại ngày hợp nhất kinh doanh được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thu phí giao thông còn lại kể từ thời điểm hợp nhất kinh doanh của dự án.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng. Quyền sử dụng đất lâu dài theo quy định hiện hành không tính khấu hao.

Phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian từ 3 đến 8 năm.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản cố định vô hình là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua - bán và các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác). Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn, dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất dựa theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

**Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai. Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

**Ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Cổ tức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên và khi có thông báo chia cổ tức gửi đến các cổ đông của Công ty.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông.

**Ghi nhận doanh thu****Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Ghi nhận doanh thu** (tiếp theo)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

*Doanh thu phí giao thông đường bộ*

Doanh thu từ hoạt động thu phí giao thông đường bộ được ghi nhận dựa trên doanh số bán vé theo mức phí quy định của Nhà nước áp dụng trên mỗi tuyến đường mà Công ty được phép thu để hoàn vốn đầu tư các dự án B.O.T.

*Doanh thu lãi bảo toàn vốn chủ các dự án B.O.T*

Lãi bảo toàn vốn chủ các dự án B.O.T được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư vốn chủ sở hữu Công ty đầu tư vào dự án và tỷ suất lợi nhuận định mức theo quy định của hợp đồng B.O.T. Khoản lợi nhuận này sẽ được giảm trừ dần vào doanh thu thu phí giao thông hàng năm của dự án. Công ty áp dụng hướng dẫn của Bộ Tài chính tại công văn số 6070/BTC-CST ngày 15 tháng 5 năm 2013 trong việc ghi nhận khoản lãi bảo toàn vốn chủ này.

*Doanh thu tài chính*

Lãi tiền gửi, tiền cho vay được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi, tiền cho vay và lãi suất áp dụng.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

*Hợp đồng xây dựng*

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận như sau:

*Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:*

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

*Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:*

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Ghi nhận giá vốn**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Chi phí đi vay trong giai đoạn khai thác hoàn vốn của các dự án B.O.T được phân bổ theo tỷ lệ doanh thu thu phí giao thông nếu Công ty làm chủ đầu tư của dự án hoặc được ghi nhận theo thực tế phát sinh đối với các dự án do Công ty mua lại.

Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú ý thay vì là hình thức pháp lý.

**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là đầu tư hợp đồng B.O.T, thu phí giao thông, thi công lắp đặt và duy tu công trình, hoạt động khác và hoạt động theo khu vực địa lý bao gồm các tỉnh, thành sau: Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Tiền Giang, tỉnh Ninh Thuận, tỉnh Bến Tre, tỉnh Trà Vinh và tỉnh Bình Dương. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	1.560.067.782	204.825.452
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	536.366.849.313	25.409.576.009
Các khoản tương đương tiền	167.565.796.974	72.228.827.758
<b>Cộng</b>	<b>705.492.714.069</b>	<b>97.843.229.219</b>

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc dưới 3 tháng. Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 bao gồm số tiền 1,5 tỷ đồng đã được sử dụng để bảo lãnh thực hiện hợp đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là 1,5 tỷ đồng).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	16.892.302.726	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO	7.300.776.974	7.300.776.974
Công ty CII	-	24.988.350.000
Phải thu khách hàng khác	21.610.569.158	20.700.739.838
<b>Cộng</b>	<b>45.803.648.858</b>	<b>52.989.866.812</b>
<i>Trong đó, phải thu các bên liên quan</i>		
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	16.892.302.726	-
Công ty TNHH MTV Cầu Sài Gòn	506.390.065	506.390.065
Công ty CII	-	24.988.350.000
<b>Cộng</b>	<b>17.398.692.791</b>	<b>25.494.740.065</b>

**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Trả trước cho các nhà thầu thi công các dự án B.O.T	12.295.175.833	17.418.943.752
Trả trước cho người bán về mua hàng hóa, dịch vụ và tài sản khác	11.402.090.226	1.109.658.824
<b>Cộng</b>	<b>23.697.266.059</b>	<b>18.528.602.576</b>
<i>Trong đó, trả trước cho các bên liên quan</i>		
Công ty CII E&C	9.700.490	2.973.912.947
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	-	2.947.395.488
<b>Cộng</b>	<b>9.700.490</b>	<b>5.921.308.435</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**4. Phải thu về cho vay**

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Công ty CII (i)	557.242.995.632	139.500.378.040
Công ty Cổ phần Hoàng An	17.546.812.283	-
Công ty Cổ phần Cầu 12	14.446.779.598	-
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	-	200.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	-	231.425.250.000
Các đối tượng khác	-	19.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>589.236.587.513</b>	<b>589.925.628.040</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	-	400.000.000.000
Công ty CII	-	29.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>429.000.000.000</b>
<b>Cộng các khoản phải thu về cho vay</b>	<b>589.236.587.513</b>	<b>1.018.925.628.040</b>
<b>Trong đó, phải thu các bên liên quan</b>		
Công ty CII (i)	557.242.995.632	168.500.378.040
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	-	200.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	-	400.000.000.000
Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn	-	19.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>557.242.995.632</b>	<b>787.500.378.040</b>

(i) Số dư cuối kỳ là các khoản hỗ trợ vốn cho Công ty CII với thời gian thu hồi dưới 1 năm. Lãi suất theo thỏa thuận dao động từ 8,5%/năm đến 11%/năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**5. Phải thu khác**

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
<b>a. Phải thu ngắn hạn</b>		
Tạm ứng lợi nhuận (i)	140.241.454.319	116.096.454.319
Phải thu lãi vốn chủ dự án B.O.T (ii)	102.449.115.744	105.606.623.638
Phải thu Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng A2Z liên quan đến hợp đồng tư vấn	66.500.000.000	-
Phải thu người lao động	29.149.961.537	2.889.000.000
Điều chỉnh giảm giá trị Dự án mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận theo thỏa thuận quyết toán với cơ quan Nhà nước	22.536.888.505	22.536.888.505
Phải thu doanh số thu phí giao thông thu hộ	21.396.752.494	8.631.754.520
Phải thu lãi cho vay, lãi tiền gửi	2.136.939.644	201.634.006.269
Các khoản phải thu khác	45.108.877.517	41.334.015.835
<b>Cộng</b>	<b>429.519.989.760</b>	<b>498.728.743.086</b>
<b>b. Phải thu dài hạn</b>		
Phải thu lãi vốn chủ dự án B.O.T (ii)	1.130.265.294.815	1.232.714.410.559
Lợi ích tài chính theo hợp đồng B.O.T	60.997.107.077	45.079.571.959
Phải thu lãi cho vay	-	29.156.164.384
Các khoản phải thu khác	21.370.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.212.632.401.892</b>	<b>1.306.950.146.902</b>
<b>Cộng các khoản phải thu khác</b>	<b>1.642.152.391.652</b>	<b>1.805.678.889.988</b>
<b>Trong đó, phải thu các bên liên quan</b>		
Công ty CII	1.950.808.218	1.611.041.096
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	426.752.000	551.398.000
Công ty TNHH Dịch vụ MCSC	-	401.737.500
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	-	29.156.164.384
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	-	11.427.154.866
<b>Cộng phải thu bên liên quan</b>	<b>2.377.560.218</b>	<b>43.147.495.846</b>

(i) Đây là khoản tạm ứng lợi nhuận của Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miếu cho nhà đầu tư ngoài công ty mẹ và sẽ được ghi giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của công ty con này khi có quyết định chính thức về việc chia lợi nhuận.

(ii) Chi tiết số dư lãi bảo toàn vốn chủ của các dự án B.O.T như sau:

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội	1.209.439.259.143	1.310.225.864.071
Dự án mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận	23.275.151.416	24.937.662.232
Dự án mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua thành phố Phan Rang - Tháp Chàm	-	3.157.507.894
	<b>1.232.714.410.559</b>	<b>1.338.321.034.197</b>
Trừ: Giá trị sẽ giảm trừ vào doanh thu thu phí giao thông trong 12 tháng tới	(102.449.115.744)	(105.606.623.638)
<b>Giá trị còn được giảm trừ sau 12 tháng tới</b>	<b>1.130.265.294.815</b>	<b>1.232.714.410.559</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**6. Dự phòng phải thu khó đòi ngắn hạn**

	31/12/2023		01/01/2023			
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	26.913.491.410	-	(26.913.491.410)	26.966.375.202	1.693.348.003	(25.273.027.199)
Phải thu về cho vay ngắn hạn	31.993.591.881	6.910.603.537	(25.082.988.344)	-	-	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn	1.634.574.749	-	(1.634.574.749)	1.654.374.749	-	(1.654.374.749)
Phải thu ngắn hạn khác	44.838.162.135	3.000.000.000	(41.838.162.135)	16.758.392.013	3.072.900.000	(13.685.492.013)
<b>Cộng</b>	<b>105.379.820.175</b>	<b>9.910.603.537</b>	<b>(95.469.216.638)</b>	<b>45.379.141.964</b>	<b>4.766.248.003</b>	<b>(40.612.893.961)</b>

**Tình hình biến động dự phòng các khoản phải thu khó đòi:**

	2023	2022
	VND	VND
<b>Số đầu năm</b>	<b>(40.612.893.961)</b>	<b>(28.221.016.947)</b>
Trích lập dự phòng bổ sung	(51.176.018.182)	(12.854.898.547)
Tăng do hợp nhất công ty con	(3.769.311.000)	-
Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	463.021.533
Xóa nợ trong năm	89.006.505	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>(95.469.216.638)</b>	<b>(40.612.893.961)</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**7. Hàng tồn kho**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.149.680.853	-	17.298.527.842	-
<i>Chi phí thi công, lắp đặt, duy tu dở dang</i>	490.268.859	-	493.497.224	-
<i>Chi phí đầu tư các dự án B.O.T</i>	-	-	16.805.030.618	-
<i>Chi phí cung cấp dịch vụ dở dang</i>	5.659.411.994	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>6.149.680.853</b>	<b>-</b>	<b>17.298.527.842</b>	<b>-</b>

**8. Chi phí trả trước**

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Chi phí in vé cầu đường chờ phân bổ	369.741.562	484.974.308
Chi phí sửa chữa cầu đường	3.136.146.801	-
Chi phí khác chờ phân bổ	990.290.614	1.693.672.570
<b>Cộng</b>	<b>4.496.178.977</b>	<b>2.178.646.878</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Chi phí lãi vay chờ phân bổ các dự án B.O.T (i)	2.755.620.372.773	1.580.638.958.028
Chi phí sửa chữa, trung tu cầu đường	113.279.455.423	120.219.001.757
Chi phí liên quan đến thủ tục vay chờ phân bổ	101.751.279.158	-
Chi phí quản lý dự án	10.150.273.681	-
Chi phí di dời, xây dựng trạm thu phí	7.872.001.006	11.370.668.134
Chi phí khác chờ phân bổ	7.700.931.374	10.155.916.993
<b>Cộng</b>	<b>2.996.374.313.415</b>	<b>1.722.384.544.912</b>
<b>Cộng các khoản chi phí trả trước</b>	<b>3.000.870.492.392</b>	<b>1.724.563.191.790</b>
<i>(i) Chi tiết lãi vay của các dự án B.O.T:</i>		
Dự án mở rộng Quốc lộ 1A đoạn qua tỉnh Ninh Thuận	941.021.153.096	798.230.076.879
Dự án Cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận giai đoạn 1	768.485.606.369	-
Dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội	599.140.016.362	375.695.905.994
Dự án cầu Cổ Chiên	274.781.177.657	236.211.310.173
Dự án Đầu tư xây dựng, nâng cấp mở rộng 4 đoạn tuyến Quốc lộ 60	172.192.419.289	143.866.346.500
Dự án mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A đoạn qua Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm	-	26.635.318.482
<b>Cộng</b>	<b>2.755.620.372.773</b>	<b>1.580.638.958.028</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**8. Chi phí trả trước** (tiếp theo)

Chi phí lãi vay các dự án B.O.T sẽ được phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất theo doanh thu thu phí giao thông của các dự án. Tỷ lệ phân bổ chi phí lãi vay hiện nay của Dự án mở rộng Quốc lộ 1, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2 là 17,95%; Dự án đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận giai đoạn 1 là 34,78%; Dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội là 5%; Dự án cầu Cổ Chiên là 18%; Dự án xây dựng, nâng cấp mở rộng 4 đoạn tuyến Quốc lộ 60 - Cầu Rạch Miễu là 15%. Tại thời điểm khóa sổ lập báo cáo tài chính, Công ty đã phân bổ toàn bộ chi phí lãi vay của Dự án mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A đoạn qua Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm và đang thực hiện các thủ tục để quyết toán giá trị thu phí hoàn vốn với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Tỷ lệ phân bổ lãi vay của các dự án sẽ được điều chỉnh khi phương án tài chính của dự án thay đổi theo dòng tiền thu phí do cập nhật lưu lượng xe thực tế và đảm bảo lợi nhuận thực tế từ dự án tương ứng với số lãi vốn chủ sở hữu mà nhà đầu tư được hưởng trên số vốn đầu tư vào dự án chưa thu hồi.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**8. Chi phí trả trước** (tiếp theo)

Biến động chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:

	Chi phí lãi vay chờ phân bổ các dự án B.O.T (i) VND	Chi phí sửa chữa, trung tu cầu đường VND	Chi phí đi vay chờ phân bổ VND	Chi phí khác chờ phân bổ VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 01/01/2022</b>	<b>1.034.158.250.342</b>	<b>43.277.099.035</b>	-	<b>20.001.898.784</b>	<b>1.097.437.248.161</b>
Chi phí trả trước trong năm	559.835.894.502	108.617.468.954	-	10.384.326.134	678.837.689.590
Phân loại từ tài sản cố định vô hình	149.979.043.843	-	-	-	149.979.043.843
Phân loại lại	-	796.700.158	-	(796.700.158)	-
Phân bổ trong năm	(163.334.230.659)	(32.472.266.390)	-	(8.062.939.633)	(203.869.436.682)
<b>Tại ngày 31/12/2022</b>	<b>1.580.638.958.028</b>	<b>120.219.001.757</b>	-	<b>21.526.585.127</b>	<b>1.722.384.544.912</b>
<b>Tại ngày 01/01/2023</b>	<b>1.580.638.958.028</b>	<b>120.219.001.757</b>	-	<b>21.526.585.127</b>	<b>1.722.384.544.912</b>
Tăng do hợp nhất công ty con	648.414.957.886	-	-	12.007.368.678	660.422.326.564
Chi phí trả trước trong năm	744.510.003.751	36.998.136.047	102.534.564.396	8.306.712.131	892.349.416.325
Phân loại lại	-	5.756.594.125	-	(5.756.594.125)	-
Phân bổ trong năm	(217.943.546.892)	(49.694.276.506)	(783.285.238)	(10.360.865.750)	(278.781.974.386)
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>	<b>2.755.620.372.773</b>	<b>113.279.455.423</b>	<b>101.751.279.158</b>	<b>25.723.206.061</b>	<b>2.996.374.313.415</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị dụng cụ quản lý		Tài sản cố định khác		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
<b>Nguyên giá</b>											
Tại ngày 01/01/2023	7.842.894.831	15.746.856.648	6.862.001.022	1.659.610.290	-	32.111.362.791	-	-	-	-	32.111.362.791
Mua trong năm	-	460.370.000	2.307.273.482	-	-	2.767.643.482	-	-	-	-	2.767.643.482
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	689.488.888	-	-	-	-	689.488.888
Tặng do hợp nhất công ty con trong năm	346.548.545	3.045.769.182	5.674.937.896	190.780.000	-	9.390.035.623	-	-	-	-	9.390.035.623
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(191.876.325)	-	-	(191.876.325)	-	-	-	-	(191.876.325)
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>	<b>8.189.443.376</b>	<b>19.252.995.830</b>	<b>14.652.336.075</b>	<b>1.850.390.290</b>	<b>821.488.888</b>	<b>44.766.654.459</b>	<b>160.728.705</b>	<b>132.000.000</b>	<b>32.817.957.829</b>	<b>32.817.957.829</b>	<b>44.766.654.459</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>											
Tại ngày 01/01/2023	6.668.602.786	8.719.216.907	5.805.855.728	1.343.323.993	-	22.536.999.414	-	-	-	-	22.536.999.414
Khấu hao trong năm	112.596.759	1.373.261.167	736.355.421	35.605.448	-	2.286.547.500	-	-	-	-	2.286.547.500
Tặng do hợp nhất công ty con trong năm	239.020.688	3.012.468.194	4.612.915.006	189.883.352	-	8.186.287.240	-	-	-	-	8.186.287.240
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(191.876.325)	-	-	(191.876.325)	-	-	-	-	(191.876.325)
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>	<b>7.020.220.233</b>	<b>13.104.946.268</b>	<b>10.963.249.830</b>	<b>1.568.812.793</b>	<b>160.728.705</b>	<b>32.817.957.829</b>	<b>28.728.705</b>	<b>132.000.000</b>	<b>32.817.957.829</b>	<b>32.817.957.829</b>	<b>32.817.957.829</b>
<b>Giá trị còn lại</b>											
Tại ngày 01/01/2023	1.174.292.045	7.027.639.741	1.056.145.294	316.286.297	-	9.574.363.377	-	-	-	-	9.574.363.377
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>	<b>1.169.223.143</b>	<b>6.148.049.562</b>	<b>3.689.086.245</b>	<b>281.577.497</b>	<b>660.760.183</b>	<b>11.948.696.630</b>	<b>660.760.183</b>	<b>11.948.696.630</b>	<b>11.948.696.630</b>	<b>11.948.696.630</b>	<b>11.948.696.630</b>

Nguyên giá của các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 01 tháng 01 năm 2023 lần lượt là 22.176.839.624 đồng và 17.015.474.326 đồng).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**10. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền thu phí giao thông VND	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm vi tính VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>				
Tại ngày 01/01/2023	8.779.111.628.893	733.149.000	2.402.502.000	8.782.247.279.893
Đầu tư XDCB hoàn thành	335.672.062.167	-	-	335.672.062.167
Tăng do hợp nhất công ty con trong năm	9.904.195.787.731	-	585.068.500	9.904.780.856.231
Điều chỉnh giảm theo quyết toán	(5.878.693.940)	-	-	(5.878.693.940)
Phân loại lại	(450.000.000)	450.000.000	-	-
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>	<b>19.012.650.784.851</b>	<b>1.183.149.000</b>	<b>2.987.570.500</b>	<b>19.016.821.504.351</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Tại ngày 01/01/2023	1.976.697.649.053	-	1.006.107.081	1.977.703.756.134
Khấu hao trong năm	398.539.108.481	-	268.657.115	398.807.765.596
Tăng do hợp nhất công ty con trong năm	271.185.467.439	-	358.534.249	271.544.001.688
Điều chỉnh giảm theo quyết toán	(5.878.693.940)	-	-	(5.878.693.940)
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>	<b>2.640.543.531.033</b>	<b>-</b>	<b>1.633.298.445</b>	<b>2.642.176.829.478</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày 01/01/2023	6.802.413.979.840	733.149.000	1.396.394.919	6.804.543.523.759
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>	<b>16.372.107.253.818</b>	<b>1.183.149.000</b>	<b>1.354.272.055</b>	<b>16.374.644.674.873</b>

**Thông tin về các dự án B.O.T đang được thu phí giao thông hoàn vốn đầu tư như sau:**

**a. Dự án đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận giai đoạn 1**

Quyền thu phí giao thông có được từ việc đầu tư xây dựng dự án đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận giai đoạn 1 theo hình thức hợp đồng B.O.T với nguyên giá tạm xác định tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 10.065.296.614.554 đồng. Nguyên giá được xác định dựa trên các chi phí đã bỏ ra để thực hiện đầu tư dự án theo hợp đồng B.O.T số 14/HĐ.BOT-GTVT ngày 18 tháng 11 năm 2016 ký với Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang và các phụ lục hợp đồng. Dự án này được chính thức khai thác thu phí hoàn vốn đầu tư từ 0h ngày 09 tháng 8 năm 2022. Theo phương án tài chính trong phụ lục hợp đồng B.O.T năm 2019, Công ty được thu phí hoàn vốn trong khoảng 14 năm 8 tháng, thời gian thu phí này sẽ được quyết toán chính thức với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trên cơ sở đảm bảo tỷ suất lãi vốn chủ sở hữu cho nhà đầu tư là 11,5%/năm.

Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo doanh thu với tỷ lệ khấu hao trong năm là 30,18%. Tỷ lệ khấu hao này có thể được điều chỉnh và đăng ký lại khi quyết toán giá trị đầu tư vào dự án được Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang chấp thuận hoặc khi phương án tài chính của dự án thay đổi do cập nhật doanh thu thu phí thực tế. Hiện tại, Công ty đang tiến hành các thủ tục quyết toán giá trị đầu tư xây dựng dự án với Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**10. Tài sản cố định vô hình** (tiếp theo)**a. Dự án đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận giai đoạn 1** (tiếp theo)

Tại ngày nắm quyền kiểm soát Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận ("Công ty dự án"), Công ty đã đánh giá lại giá trị tài sản thuần của công ty con này. Theo đó, giá trị quyền thu phí giao thông được ghi nhận tăng lên 691.728.230.913 đồng, đây là khoản chênh lệch giữa giá trị do Công ty thực hiện đánh giá lại theo phương pháp chiết khấu dòng tiền thu được trong tương lai từ hoạt động thu phí so với giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con tại ngày hợp nhất kinh doanh. Giá trị tăng thêm này chỉ được ghi nhận vào Báo cáo tài chính hợp nhất mà không có bất kỳ sự điều chỉnh nào cho giá trị ghi sổ của tài sản trên Báo cáo tài chính riêng của công ty con. Phần giá trị tăng thêm do đánh giá lại giá trị hợp lý của tài sản được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 13 năm 6 tháng, phù hợp với thời gian thu phí còn lại của dự án tính từ thời điểm hợp nhất công ty con.

**b. Dự án Mở rộng Xa lộ Hà Nội**

Quyền thu phí giao thông hoàn vốn Dự án Mở rộng Xa lộ Hà Nội và Quốc lộ 1, đoạn từ ngã ba Trạm 2 cũ đến nút giao Tân Vạn theo hình thức hợp đồng B.O.T với nguyên giá tạm xác định tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 3.540.763.265.063 đồng. Nguyên giá được xác định dựa trên các chi phí Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư dự án theo hợp đồng B.O.T ký ngày 25 tháng 11 năm 2009 với Sở Giao thông Vận tải Thành phố Hồ Chí Minh và phụ lục hợp đồng B.O.T ký ngày 9 tháng 7 năm 2018 với Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Dự án chính thức khai thác thu phí hoàn vốn đầu tư từ thời điểm 0h ngày 01 tháng 4 năm 2021. Theo hợp đồng B.O.T và các phụ lục, Công ty được thu phí hoàn vốn dự kiến trong khoảng 17 năm 9 tháng, thời gian thu phí này sẽ được quyết toán chính thức với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trên cơ sở đảm bảo tỷ suất lãi vốn chủ sở hữu cho nhà đầu tư là 14%/năm.

Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo doanh thu với tỷ lệ khấu hao trong năm là 13,426%. Tỷ lệ khấu hao có thể được điều chỉnh khi quyết toán giá trị đầu tư vào dự án hoặc khi phương án tài chính của dự án thay đổi theo dòng tiền thu phí do cập nhật lưu lượng xe thực tế lưu thông trên tuyến đường.

**c. Dự án Mở rộng 4 đoạn tuyến Quốc lộ 60, nối liền tỉnh Bến Tre và tỉnh Trà Vinh**

Công ty được phép thu phí giao thông tại trạm cầu Rạch Miễu để hoàn vốn đầu tư dự án mở rộng 4 đoạn tuyến Quốc lộ 60, nối liền tỉnh Bến Tre và tỉnh Trà Vinh. Nguyên giá của quyền thu phí tạm ghi nhận dựa trên các chi phí mà Công ty đã bỏ ra tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 1.120.436.031.106 đồng. Nguyên giá này sẽ được điều chỉnh khi Công ty thực hiện quyết toán với cơ quan Nhà nước. Thời gian thu phí hoàn vốn ước tính khoảng 14 năm 8 tháng, bắt đầu từ 0h ngày 05 tháng 7 năm 2021, thời gian thu phí này sẽ được quyết toán chính thức với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trên cơ sở đảm bảo tỷ suất lãi vốn chủ sở hữu cho nhà đầu tư là 11,5%/năm. Công ty thực hiện khấu hao theo doanh thu với tỷ lệ tạm tính là 35% và sẽ được điều chỉnh phù hợp sau khi có quyết toán hoặc khi phương án tài chính của dự án thay đổi do cập nhật doanh thu thu phí thực tế và đăng ký tỷ lệ với cơ quan thuế. Hiện nay Công ty đang tiến hành các thủ tục quyết toán giá trị đầu tư của dự án với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

**d. Dự án đầu tư mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận**

Quyền thu phí giao thông hoàn vốn Dự án đầu tư mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận theo hình thức hợp đồng B.O.T với nguyên giá tạm xác định tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 1.488.747.655.945 đồng. Nguyên giá được xác định dựa trên các chi phí Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư dự án theo hợp đồng B.O.T ký ngày 08 tháng 12 năm 2014 với Bộ Giao thông Vận tải. Trạm thu phí Cà Ná đã chính thức được đưa vào thu phí từ thời điểm 0h ngày 01 tháng 4 năm 2017, thực hiện thu phí hoàn vốn đầu tư vào dự án này song song với thu phí hoàn vốn đầu tư vào dự án mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua thành phố Phan Rang - Tháp Chàm (thuyết minh bên dưới) theo chỉ đạo của Bộ Giao thông Vận tải và Bộ Tài chính.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**10. Tài sản cố định vô hình** (tiếp theo)

Theo hợp đồng B.O.T và các phụ lục, dự kiến Công ty được thu phí hoàn vốn trong khoảng 19 năm 7 tháng, thời gian thu phí này sẽ được quyết toán chính thức với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trên cơ sở đảm bảo tỷ suất lãi vốn chủ sở hữu cho nhà đầu tư là 12%/năm.

Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo doanh thu với tỷ lệ khấu hao hiện nay là 12,28%. Tỷ lệ khấu hao có thể được điều chỉnh và đăng ký lại khi giá trị đầu tư vào dự án được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết toán hoặc khi phương án tài chính của dự án thay đổi do cập nhật doanh thu thu phí thực tế.

**e. Dự án đầu tư nâng cấp mở rộng đường ĐT 741**

Quyền thu phí giao thông hoàn vốn đầu tư Dự án đầu tư nâng cấp mở rộng đường ĐT 741 tỉnh Bình Dương, đoạn từ Km 0 + 000 đến Km 49 + 670,4, với nguyên giá là 698.258.877.278 đồng. Nguyên giá này được xác định dựa trên các chi phí Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư dự án theo hợp đồng B.O.T ký ngày 09 tháng 9 năm 2009 với Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương. Trạm thu phí đường ĐT741 chính thức được đưa vào thu phí hoàn vốn đầu tư đoạn Km 21 + 000 đến Km 49 + 670,4 từ ngày 01 tháng 8 năm 2006. Đoạn Km 0 + 000 đến Km 21 + 000 được xây dựng năm 2009 và chính thức đưa vào vận hành khai thác từ ngày 01 tháng 9 năm 2011. Theo hợp đồng B.O.T và các phụ lục, dự kiến Công ty được thu phí hoàn vốn trong khoảng 30,81 năm, thời gian thu phí này sẽ được quyết toán chính thức với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trên cơ sở đảm bảo tỷ suất lãi vốn chủ sở hữu cho nhà đầu tư tạm tính tại thời điểm ký hợp đồng là 8,4%/năm. Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo doanh thu với tỷ lệ khấu hao hiện nay là 7,77%. Tỷ lệ khấu hao có thể được điều chỉnh khi phương án tài chính của dự án thay đổi theo dòng tiền thu phí do cập nhật lưu lượng xe thực tế lưu thông trên tuyến đường.

Tại ngày mua Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG, Công ty đã đánh giá lại giá trị tài sản thuần của công ty con này. Theo đó, giá trị quyền thu phí giao thông được ghi nhận tăng lên 276.430.752.980 đồng, đây là khoản chênh lệch giữa giá trị do Công ty thực hiện đánh giá lại theo phương pháp chiết khấu dòng tiền thu được trong tương lai từ hoạt động thu phí so với giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con tại ngày hợp nhất kinh doanh. Giá trị tăng thêm này chỉ được ghi nhận vào Báo cáo tài chính hợp nhất mà không có bất kỳ sự điều chỉnh nào cho giá trị ghi sổ của tài sản trên Báo cáo tài chính riêng của công ty con. Phần giá trị tăng thêm do đánh giá lại giá trị hợp lý của tài sản được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 20 năm 3 tháng, phù hợp với thời gian thu phí còn lại của dự án tính từ thời điểm hợp nhất công ty con.

**f. Dự án xây dựng cầu Cổ Chiên**

Đây là quyền thu phí Công ty có được do hợp nhất Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên, thu phí giao thông hoàn vốn đầu tư Dự án xây dựng cầu Cổ Chiên, Quốc lộ 60, tỉnh Trà Vinh và tỉnh Bến Tre. Nguyên giá của tài sản tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 752.313.769.586 đồng, được xác định dựa trên các chi phí đã bỏ ra để thực hiện đầu tư dự án theo hợp đồng B.O.T ký với Bộ Giao thông Vận tải. Dự án được đưa vào thu phí hoàn vốn kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2016. Theo hợp đồng B.O.T và phụ lục, dự kiến Công ty được thu phí hoàn vốn trong khoảng 11 năm 4 tháng, thời gian thu phí này sẽ được quyết toán chính thức với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trên cơ sở đảm bảo tỷ suất lãi vốn chủ sở hữu cho nhà đầu tư là 11,5%/năm. Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo doanh thu với tỷ lệ khấu hao hiện nay là 23% doanh thu thu phí của dự án. Tỷ lệ khấu hao có thể được điều chỉnh khi phương án tài chính của dự án thay đổi theo dòng tiền thu phí do cập nhật lưu lượng xe thực tế lưu thông trên tuyến đường.

Công ty cam kết sử dụng nguồn tiền có được từ hoạt động thu phí giao thông cùng với các lợi ích kinh tế khác có thể thu được từ các dự án B.O.T để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng (chi tiết xem tại Thuyết minh số V.20).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**10. Tài sản cố định vô hình** (tiếp theo)**Dự án B.O.T kết thúc thu phí chờ thanh lý***Dự án đầu tư xây dựng cầu Rạch Miễu*

Quyền thu phí giao thông để hoàn vốn đầu tư xây dựng cầu Rạch Miễu, đây là dự án đầu tư theo hình thức B.O.T có phần vốn hỗ trợ của Ngân sách Nhà Nước, được Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải phê duyệt. Công ty đã kết thúc thu phí hoàn vốn kể từ ngày 05 tháng 7 năm 2021 và đang thực hiện các thủ tục quyết toán dự án với cơ quan Nhà nước để làm cơ sở thanh lý hợp đồng B.O.T. Nguyên giá tài sản vô hình là quyền thu phí dự án cầu Rạch Miễu đã khấu hao hết chờ thanh lý là 495.607.637.262 đồng.

*Dự án tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua thành phố Phan Rang - Tháp Chàm*

Quyền thu phí giao thông hoàn vốn đầu tư Dự án đầu tư mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua thành phố Phan Rang - Tháp Chàm theo hợp đồng B.O.T ký ngày 08 tháng 12 năm 2008 giữa Cục đường bộ Việt Nam và Liên doanh giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy. Công ty đã kết thúc thu phí hoàn vốn kể từ 0h00 ngày 01 tháng 10 năm 2023. Đến thời điểm khóa sổ, Công ty đã khấu hao hết giá trị quyền thu phí và hiện đang làm các thủ tục để quyết toán giá trị thu phí hoàn vốn dự án với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Nguyên giá tài sản vô hình là quyền thu phí Dự án đầu tư mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua thành phố Phan Rang - Tháp Chàm là 574.796.181.077 đồng.

Nguyên giá của các tài sản cố định vô hình là phần mềm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là 715.000.000 đồng.

**11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Dự án Đầu tư xây dựng, nâng cấp mở rộng 4 đoạn tuyến Quốc lộ 60	33.125.627.535	33.125.627.535
Dự án trung tu đọt 4 đường ĐT 741 tỉnh Bình Dương	32.012.604.651	-
Dự án B.O.T mở rộng nâng cấp đường ĐT 741 tỉnh Bình Dương	3.191.060.840	25.499.737.428
<b>Cộng</b>	<b>68.329.293.026</b>	<b>58.625.364.963</b>

**Tình hình biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang như sau:**

	2023	2022
	VND	VND
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>58.625.364.963</b>	<b>41.849.505.358</b>
Chi phí đầu tư trong năm	345.396.096.120	125.876.955.074
Kết chuyển sang tài sản cố định vô hình	(335.672.062.167)	(97.303.061.335)
Kết chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(20.105.890)	(11.798.034.134)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>68.329.293.026</b>	<b>58.625.364.963</b>

**12. Các khoản đầu tư tài chính****a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn	7.595.478.187	565.775.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**12. Các khoản đầu tư tài chính** (tiếp theo)**b. Đầu tư vào công ty liên doanh**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Phần lợi nhuận sau ngày đầu tư VND	Giá gốc VND	Phần lợi nhuận sau ngày đầu tư VND
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	-	-	831.072.077.286	38.094.933.546
<b>Cộng giá trị ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu</b>				<b>869.167.010.832</b>

Trong năm, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên doanh thay đổi như sau:

	2023 VND	2022 VND
Tại thời điểm đầu năm	869.167.010.832	828.084.007.099
Thay đổi trong năm	(869.167.010.832)	41.083.003.733
<i>Tái cấu trúc, công ty liên doanh thành công ty con</i>	(890.248.035.938)	-
<i>Lợi nhuận từ công ty liên doanh</i>	69.551.025.106	37.186.550.445
<i>Giá trị ghi sổ (giảm)/tăng trong năm</i>	(48.470.000.000)	296.453.288
<i>Góp vốn trong năm</i>	-	3.600.000.000
<b>Tại thời điểm cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>869.167.010.832</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**13. Thuế thu nhập hoãn lại**

	Đánh giá lại giá trị tài sản thuần công ty con tại ngày mua (i)	Lãi vốn chủ dự án B.O.T (ii)	Dự phòng phải trả người lao động	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>a. Tài sản thuế hoãn lại</b>				
<b>Tại ngày 01/01/2022</b>	-	<b>280.367.346.734</b>	<b>375.000.000</b>	<b>280.742.346.734</b>
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%	20%	20%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất	-	18.164.298.526	-	18.164.298.526
<b>Tại ngày 01/01/2023</b>	-	<b>262.203.048.208</b>	<b>375.000.000</b>	<b>262.578.048.208</b>
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%	20%	20%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất	-	20.315.196.386	-	20.315.196.386
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>	-	<b>241.887.851.822</b>	<b>375.000.000</b>	<b>242.262.851.822</b>
<b>b. Thuế hoãn lại phải trả</b>				
<b>Tại ngày 01/01/2022</b>	<b>51.473.312.624</b>	-	-	<b>51.473.312.624</b>
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%	20%	20%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất	(17.346.059.167)	-	-	(17.346.059.167)
<b>Tại ngày 01/01/2023</b>	<b>34.127.253.457</b>	-	-	<b>34.127.253.457</b>
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%	20%	20%
Tăng do hợp nhất công ty con trong năm	138.345.646.183	-	-	138.345.646.183
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất	(5.292.136.687)	-	-	(5.292.136.687)
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>	<b>167.180.762.953</b>	-	-	<b>167.180.762.953</b>
<b>Tổng chi phí/(thu nhập) thuần ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất</b>				<b>15.023.059.699</b>

Thuế suất được sử dụng để tính thuế hoãn lại là thuế suất dự tính của kỳ tương lai khi tài sản được thu hồi hoặc thanh lý hay khi nợ phải trả được thanh toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**13. Thuế thu nhập hoãn lại** (tiếp theo)

- (i) Số dư cuối năm là thuế thu nhập hoãn lại phải trả của các giao dịch hợp nhất kinh doanh như sau:
- Chênh lệch phát sinh khi Công ty đánh giá lại giá trị hợp lý của tài sản thuần của Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận tại ngày hợp nhất kinh doanh (*xem thêm tại Thuyết minh V.14*). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, giá trị còn lại của phần nguyên giá tăng thêm là 678.918.448.859 đồng, tương ứng với số thuế hoãn lại phải trả là 135.783.689.772 đồng và sẽ được hoàn nhập dần theo giá trị khấu hao của quyền thu phí tăng thêm do đánh giá lại.
  - Chênh lệch phát sinh khi đánh giá lại giá trị hợp lý của tài sản thuần của Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG vào ngày hợp nhất kinh doanh. Khoản thuế thu nhập hoãn lại này được giảm trừ trực tiếp vào khoản lãi phát sinh từ giao dịch mua rẻ tại ngày hợp nhất. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, giá trị còn lại của phần nguyên giá tăng thêm là 156.985.365.905 đồng, tương ứng với số thuế hoãn lại phải trả là 31.397.073.181 đồng và sẽ được hoàn nhập dần theo giá trị khấu hao của quyền thu phí tăng thêm do đánh giá lại.
- (ii) Theo hướng dẫn của Bộ Tài chính, khoản lãi bảo toàn vốn chủ được ghi nhận trong giai đoạn đầu tư sẽ được giảm trừ vào doanh thu thu phí của dự án khi dự án đi vào hoạt động. Công ty thực hiện kê khai và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đối với giá trị lãi vốn chủ đồng thời ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ khoản lãi bảo toàn vốn chủ trong suốt thời gian đầu tư và sẽ được thu hồi dần trong suốt thời gian thu phí hoàn vốn tương ứng với giá trị giảm dần của lãi bảo toàn vốn chủ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, số dư lãi bảo toàn vốn chủ còn được khấu trừ trong tương lai là 1.209.439.259.143 đồng (*chi tiết xem tại thuyết minh V.5*), tương ứng số thuế còn được khấu trừ là 241.887.851.829 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**14. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại**

Trong năm, Công ty phát sinh giao dịch hợp nhất kinh doanh Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận và Công ty Cổ phần Dịch vụ Quản lý Khai thác Cầu đường CII. Các giao dịch hợp nhất kinh doanh này có ảnh hưởng đến tài sản và nợ phải trả của Công ty tại ngày nắm quyền kiểm soát như sau:

**a. Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận**

	Giá trị ghi sổ VND	Điều chỉnh cho giá trị hợp lý VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Tài sản</b>	<b>10.269.409.256.526</b>	<b>691.728.230.913</b>	<b>10.961.137.487.439</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	476.822.546.952	-	476.822.546.952
Đầu tư tài chính ngắn hạn	7.000.000.000	-	7.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	133.760.290.764	-	133.760.290.764
Các tài sản ngắn hạn khác	7.824.846.407	-	7.824.846.407
Các khoản phải thu dài hạn	20.295.000.000	-	20.295.000.000
Tài sản cố định hữu hình	662.730.913	-	662.730.913
Tài sản cố định vô hình	8.941.282.089.379	691.728.230.913	9.633.010.320.292
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	21.605.678.291	-	21.605.678.291
Chi phí trả trước dài hạn	660.156.073.820	-	660.156.073.820
<b>Nợ phải trả</b>	<b>8.518.366.831.939</b>	<b>138.345.646.183</b>	<b>8.656.712.478.122</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	387.908.763.447	-	387.908.763.447
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	15.963.657.237	-	15.963.657.237
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	8.022.035.619.800	-	8.022.035.619.800
Các khoản phải trả khác	92.458.791.455	-	92.458.791.455
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	138.345.646.183	138.345.646.183
<b>Giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được</b>	<b>1.751.042.424.587</b>	<b>553.382.584.730</b>	<b>2.304.425.009.317</b>
Tổng giá trị hợp lý của giá phí hợp nhất kinh doanh (i)			2.302.710.580.489
Lợi ích cổ đông không kiểm soát			253.486.751.025
<b>Tổng nguồn tài trợ cho tài sản thuần</b>			<b>2.556.197.331.514</b>
<b>Lợi thế thương mại</b>			<b>251.772.322.197</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**14. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại** (tiếp theo)**a. Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận** (tiếp theo)**(i) Giá phí hợp nhất kinh doanh tại ngày mua bao gồm**

Giá trị mua thêm 39% cổ phần để nắm quyền kiểm soát 1.081.324.936.079

Giá trị hợp lý của 50% cổ phần Công ty đã nắm giữ trước ngày nắm quyền kiểm soát 1.221.385.644.410

**Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh** **2.302.710.580.489****Thông tin lưu chuyển tiền tệ từ việc mua công ty con**

Tiền thu về từ việc nắm giữ quyền kiểm soát công ty con 476.822.546.952

Tiền chi mua thêm cổ phần để nắm quyền kiểm soát 643.922.304.692

**Lưu chuyển tiền thuần từ nghiệp vụ mua** **(167.099.757.740)**

Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận (TLMT) là công ty cổ phần chưa được niêm yết, do đó chưa có thông tin về giá thị trường để xác định giá trị hợp lý. Công ty đã áp dụng phương pháp chiết khấu dòng tiền thu được trong tương lai từ hoạt động thu phí hoàn vốn đầu tư dự án đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận giai đoạn 1 để đánh giá lại giá trị tài sản thuần của công ty TLMT tại ngày 30 tháng 9 năm 2023, giá trị được xác định là 15.833 đồng/cổ phần. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá đây là bằng chứng tin cậy và được sử dụng để làm cơ sở đánh giá giá trị hợp lý của Công ty TLMT cũng như giá phí hợp nhất kinh doanh tại ngày mua.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**b. Công ty Cổ phần Dịch vụ Quản lý Khai thác Cầu đường CII**

	Giá trị ghi sổ VND	Điều chỉnh cho giá trị hợp lý VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Tài sản</b>	<b>45.301.196.767</b>	-	<b>45.301.196.767</b>
Tiền và tương đương tiền	6.868.527.515	-	6.868.527.515
Phải thu khách hàng ngắn hạn	18.213.150.353	-	18.213.150.353
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	14.674.063.302	-	14.674.063.302
Hàng tồn kho	4.377.411.978	-	4.377.411.978
Tài sản ngắn hạn khác	49.239.154	-	49.239.154
Phải thu dài hạn	85.000.000	-	85.000.000
Tài sản cố định hữu hình	541.017.470	-	541.017.470
Tài sản cố định vô hình	226.534.251	-	226.534.251
Tài sản dài hạn khác	266.252.744	-	266.252.744
<b>Cộng tài sản</b>			
<b>Nợ phải trả</b>	<b>18.764.483.385</b>	-	<b>18.764.483.385</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	1.530.420.242	-	1.530.420.242
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	500.000.000	-	500.000.000
Các khoản phải trả khác	16.734.063.143	-	16.734.063.143
<b>Giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được</b>	<b>26.536.713.382</b>	-	<b>26.536.713.382</b>
Tổng giá trị hợp lý của giá phí hợp nhất kinh doanh			9.000.000.000
Lợi ích cổ đông không kiểm soát			12.512.237.794
<b>Tổng nguồn tài trợ cho tài sản thuần</b>			<b>21.512.237.794</b>
<b>Lãi từ giao dịch mua giá rẻ</b>			<b>(5.024.475.588)</b>
<b>Thông tin lưu chuyển tiền tệ từ việc mua công ty con</b>			
Tiền thu về từ việc nắm giữ quyền kiểm soát công ty con			6.868.527.515
Tiền chi mua thêm cổ phần để nắm quyền kiểm soát			9.000.000.000
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ nghiệp vụ mua</b>			<b>(2.131.472.485)</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**14. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại** (tiếp theo)**Biến động của lợi thế thương mại trong năm**Giá trị ghi sổ  
VND**Nguyên giá**

Tại ngày 01/01/2023

277.465.935.261

Hợp nhất kinh doanh trong năm

251.772.322.197

**Tại ngày 31/12/2023****529.238.257.458****Giá trị hao mòn lũy kế**

Tại ngày 01/01/2023

234.589.931.773

Phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất

15.098.507.951

**Tại ngày 31/12/2023****249.688.439.724****Giá trị còn lại**

Tại ngày 01/01/2023

42.876.003.488

**Tại ngày 31/12/2023****279.549.817.734****15. Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng thanh toán VND	Giá trị VND	Số có khả năng thanh toán VND
Phải trả bên liên quan (i)	239.665.916.140	239.665.916.140	174.555.874.168	174.555.874.168
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	105.047.656.180	105.047.656.180	1.555.396.043	1.555.396.043
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	71.877.933.336	71.877.933.336	-	-
Các nhà cung cấp khác	206.791.003.440	206.791.003.440	61.117.969.008	61.117.969.008
<b>Cộng</b>	<b>623.382.509.096</b>	<b>623.382.509.096</b>	<b>237.229.239.219</b>	<b>237.229.239.219</b>
(i) Chi tiết phải trả cho các bên liên quan				
Công ty CII (ii)	158.773.301.802	158.773.301.802	158.773.301.802	158.773.301.802
Công ty CII E&C	65.514.832.519	65.514.832.519	6.685.606.416	6.685.606.416
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	15.372.781.819	15.372.781.819	2.195.664.028	2.195.664.028
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	5.000.000	5.000.000	-	-
Công ty TNHH Dịch vụ MCSC	-	-	6.898.925.922	6.898.925.922
Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ	-	-	2.376.000	2.376.000
<b>Cộng</b>	<b>239.665.916.140</b>	<b>239.665.916.140</b>	<b>174.555.874.168</b>	<b>174.555.874.168</b>

(ii) Khoản phải trả cho Công ty CII về việc nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công ty CII (i)	462.850.380.000	462.850.380.000
Các khách hàng khác	1.656.060.889	1.471.874.889
<b>Cộng</b>	<b>464.506.440.889</b>	<b>464.322.254.889</b>
<b><i>Trong đó, người mua trả tiền trước là bên liên quan</i></b>		
Công ty CII (i)	462.850.380.000	462.850.380.000

(i) Đây là khoản nhận tiền trước liên quan đến thỏa thuận nhận chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận trong tương lai do Công ty đang sở hữu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**17. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước**

	01/01/2023		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Tăng do hợp nhất công ty con		31/12/2023	
	VND		VND		VND		VND		VND	
<b>a. Phải thu</b>										
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.632.892.392	316.151.194	-	-	-	-	-	-	1.316.741.198	
Thuế giá trị gia tăng	488.023.910	-	-	1.841.860	-	-	-	-	489.865.770	
Thuế thu nhập cá nhân	-	69.580.665	-	19.180.250	-	-	198.386.211	-	147.985.796	
<b>Cộng</b>	<b>2.120.916.302</b>	<b>385.731.859</b>	-	<b>21.022.110</b>	-	-	<b>198.386.211</b>	-	<b>1.954.592.764</b>	
<b>b. Phải nộp</b>										
Thuế giá trị gia tăng	6.300.751.456	103.970.808.563	107.100.778.401	4.471.685.225	7.642.466.843					
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.836.579.520	22.618.489.385	21.450.431.690	2.059.211.747	9.063.848.962					
Thuế thu nhập cá nhân	532.349.435	2.126.273.613	2.337.026.700	1,100,000	322.696.348					
Các khoản khác	-	867.161.113	867.161.113	-	-					
<b>Cộng</b>	<b>12.669.680.411</b>	<b>129.582.732.674</b>	<b>131.755.397.904</b>	<b>6.531.996.972</b>	<b>17.029.012.153</b>					

**18. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2023		01/01/2023	
	VND		VND	
Chi phí lãi vay phải trả	76.376.696.239	44.414.840.074		
Trích trước chi phí trung tu, duy tu, thi công	54.991.211.467	23.880.171.178		
Chi phí phải trả khác	8.777.657.220	2.923.860.390		
<b>Cộng</b>	<b>140.145.564.926</b>	<b>71.218.871.642</b>		

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)

**19. Phải trả khác**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Cổ tức phải trả	780.972.874.571	270.822.666.248
Phải trả chi phí sử dụng vốn (i)	375.261.074	256.970.842.982
Các khoản phải trả, phải nộp khác	24.930.946.667	40.224.612.682
	<b>806.279.082.312</b>	<b>568.018.121.912</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Các khoản thanh toán cho hợp đồng chuyển nhượng	2.264.683.658.739	-
Phải trả chi phí sử dụng vốn (i)	68.414.328.860	122.907.193.706
Các khoản thu hộ	8.536.091.258	8.536.091.258
Nhận ký quỹ, ký cược	76.000.000	76.000.000
	<b>2.341.710.078.857</b>	<b>131.519.284.964</b>
<b>Cộng các khoản phải trả khác</b>	<b>3.147.989.161.169</b>	<b>699.537.406.876</b>
<b>Trong đó, phải trả các bên liên quan</b>		
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm (ii)	892.804.343.670	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII (iii)	756.878.767.123	-
Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ (iv)	615.000.547.946	-
Công ty CII	665.801.589.442	650.574.078.338
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	5.783.128.829	76.000.000
Công ty TNHH MTV Cầu Sài Gòn <sup>1</sup>	-	24.988.350.000
<b>Cộng</b>	<b>2.936.268.377.010</b>	<b>675.638.428.338</b>

- (i) Đây là khoản chi phí sử dụng vốn liên quan đến các hợp đồng vay dài hạn công ty mẹ để tài trợ cho các dự án B.O.T (xem thêm tại thuyết minh số V.20) và sẽ được thanh toán vào ngày đến hạn của các khoản vay.
- (ii) Số dư thể hiện khoản tiền đã nhận từ Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm (KBTT) thanh toán cho hợp đồng chuyển nhượng khoản tiền được phân chia từ dự án Xa Lộ Hà Nội. Thời hạn của hợp đồng là 10 năm kể từ ngày Công ty KBTT thanh toán đầy đủ giá chuyển nhượng. Theo hợp đồng, Công ty KBTT sẽ được hưởng các khoản phân chia từ dự án hoặc theo giá trị đã thỏa thuận giữa hai bên tại từng thời điểm.
- (iii) Số dư thể hiện khoản tiền đã nhận từ Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII (CII E&C) thanh toán cho hợp đồng chuyển nhượng khoản tiền được phân chia từ dự án đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận giai đoạn 1. Thời hạn của hợp đồng là từ ngày 01 tháng 7 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2031. Theo hợp đồng, Công ty CII E&C sẽ được hưởng các khoản phân chia từ dự án hoặc theo giá trị đã thỏa thuận giữa hai bên tại từng thời điểm.
- (iv) Số dư thể hiện khoản tiền đã nhận từ Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ (OBI) thanh toán cho hợp đồng chuyển nhượng khoản tiền được phân chia từ dự án mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua tỉnh Ninh Thuận. Thời hạn của hợp đồng là từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2031. Theo hợp đồng, Công ty OBI sẽ được hưởng các khoản phân chia từ dự án hoặc theo giá trị đã thỏa thuận giữa hai bên tại từng thời điểm.





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**20. Vay và nợ thuế tài chính** (tiếp theo)**a. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn** (tiếp theo)**Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn**

<b>Bên cho vay</b>	<b>Số dư vay</b>	<b>Thời hạn vay</b>	<b>Ngày đáo hạn</b>	<b>Lãi suất vay</b>	<b>Mục đích vay</b>	<b>Tài sản đảm bảo</b>
Công ty CII	9.123.106.146	3 năm	21/07/2024	Lãi suất trong năm là 11,5%/năm	Hợp tác kinh doanh (có thể chấm dứt trước hạn khi có đề nghị của một trong hai bên)	Không có tài sản đảm bảo.
	1.000.000.000	9 năm	13/04/2024		Góp vốn vào Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận và hỗ trợ vốn cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	Cổ phần của Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận mà Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc sở hữu.
	8.000.000.000	1 năm	13/04/2024		Góp vốn vào Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Không có tài sản đảm bảo.
	<b>18.123.106.146</b>					
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	16.373.510.539	12 tháng	31/12/2024	Lãi suất trong năm là 7%-11,5%	Bổ sung vốn lưu động	Không có tài sản đảm bảo.
Ngân hàng HDBank	500.000.000	6 tháng	13/01/2024	Lãi suất trong năm là 11%/năm	Bổ sung vốn lưu động	Không có tài sản đảm bảo.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)

20. Vay và nợ thuế tài chính (tiếp theo)

**b. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn**

	31/12/2023		Phát sinh trong năm		01/01/2023		
	Nợ gốc	Giá trị có khả năng thanh toán	Tăng từ đi vay	Tăng do hợp nhất công ty con	Giảm do thanh toán nợ vay	Nợ gốc	Giá trị có khả năng thanh toán
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Vay ngân hàng</b>	<b>11.884.488.258.518</b>	<b>11.884.488.258.518</b>	<b>9.307.626.902.251</b>	<b>5.042.476.000.001</b>	<b>7.835.357.562.139</b>	<b>5.369.742.918.405</b>	<b>5.369.742.918.405</b>
Ngân hàng Vietcombank - CN TP.Hồ Chí Minh	9.157.431.113.788	9.157.431.113.788	9.302.431.113.788	-	145.000.000.000	-	-
Ngân hàng Vietinbank - CN 4 TP.HCM	-	-	-	5.042.476.000.001	5.042.476.000.001	-	-
Ngân hàng Vietinbank - CN 11, Tp. HCM	1.189.801.620.354	1.189.801.620.354	-	-	2.430.310.625.577	3.620.112.245.931	3.620.112.245.931
Ngân hàng BIDV - CN Bến Tre	635.999.379.211	635.999.379.211	-	-	91.000.000.000	726.999.379.211	726.999.379.211
Ngân hàng BIDV - CN TP.Hồ Chí Minh	553.120.126.480	553.120.126.480	-	-	34.084.000.000	587.204.126.480	587.204.126.480
Ngân hàng Tiên Phong - CN Bến Thành	348.136.018.685	348.136.018.685	5.195.788.463	-	92.486.936.561	435.427.166.783	435.427.166.783
<b>Vay bên liên quan</b>	<b>1.213.483.104.414</b>	<b>1.213.483.104.414</b>	<b>468.212.383.954</b>	<b>2.872.277.216.383</b>	<b>2.859.158.945.604</b>	<b>732.152.449.681</b>	<b>732.152.449.681</b>
Công ty CII	1.213.483.104.414	1.213.483.104.414	468.212.383.954	2.872.277.216.383	2.859.158.945.604	732.152.449.681	732.152.449.681
<b>Vay đối tượng khác</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.890.842.395</b>	<b>107.282.403.416</b>	<b>109.173.245.811</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	-	-	1.890.842.395	107.282.403.416	109.173.245.811	-	-
Trừ: Số phải trả trong 12 tháng tới	(978.273.054.311)	(978.273.054.311)	-	-	-	(583.509.986.666)	(583.509.986.666)
<b>Cộng</b>	<b>12.119.698.308.621</b>	<b>12.119.698.308.621</b>	<b>9.777.730.128.600</b>	<b>8.022.035.619.800</b>	<b>10.803.689.753.554</b>	<b>5.518.385.381.420</b>	<b>5.518.385.381.420</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**20. Vay và nợ thuê tài chính** (tiếp theo)**b. Vay dài hạn** (tiếp theo)**Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn**

Bên cho vay	Số dư vay	Thời hạn vay	Ngày đáo hạn	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng Vietcombank - CN Thành phố Hồ Chí Minh	5.036.476.000.000	Tối đa 144 tháng, không vượt quá ngày 09/01/2035		Thả nổi, lãi suất trong năm là 8,55%	Tài trợ dự án B.O.T đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Toàn bộ các quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng B.O.T;</li> <li>- Toàn bộ cổ phần thuộc sở hữu của các Cổ đông góp vốn trong công ty và các quyền, lợi ích phát sinh từ hoặc liên quan tới các cổ phần này;</li> <li>- Toàn bộ cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh ("CII") tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội và các quyền, lợi ích phát sinh từ hoặc liên quan tới các cổ phần này;</li> <li>- Cam kết bảo lãnh của Công ty CII và CII B&amp;R cam kết trả nợ thay cho Công ty trong trường hợp các Cổ đông góp vốn không thực hiện được hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty.</li> </ul>
Ngân hàng Vietcombank - CN Thành phố Hồ Chí Minh	1.900.000.000.000	Tối đa 168 tháng, không vượt quá 6 tháng trước khi kết thúc dự án		Thả nổi, lãi suất trong năm là 8,7% - Hà Nội 9,5%/năm	Đầu tư vào Dự án Mở rộng Xa lộ	Các lợi ích kinh tế mà Công ty có thể thu được từ dự án.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**20. Vay và nợ thuế tài chính** (tiếp theo)**Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn** (tiếp theo)

Bên cho vay	Số dư vay	Thời hạn vay	Ngày đáo hạn	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng Vietinbank - CN 11, Tp. HCM	1.189.801.620.354	15 năm	13/02/2030	Thả nổi, lãi suất trong năm là 10,5%/năm	Tài trợ cho Dự án mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua tỉnh Ninh Thuận theo hình thức hợp đồng B.O.T, giai đoạn 2	Các lợi ích kinh tế mà Công ty có thể thu được từ dự án.
Ngân hàng BIDV - CN Bến Tre	635.999.379.211	15 năm	14/06/2033	Thả nổi, lãi suất trong năm là 9,25%-10,4%/năm	Đầu tư nâng cấp, mở rộng và xây dựng 4 đoạn tuyến quốc lộ 60 nối cầu Rạch Miễu đến cầu Cổ Chiên	Các lợi ích kinh tế từ quyền thu phí của dự án và quyền đối với phần vốn góp của các Nhà đầu tư.
Ngân hàng BIDV - CN TP. Hồ Chí Minh	553.120.126.480	18 năm	21/04/2032	Thả nổi, lãi suất trong năm là 8,8%-10,9%/năm	Đầu tư xây dựng công trình Cầu Cổ Chiên	Quyền thu phí phát sinh từ dự án, quyền và lợi ích khác phát sinh từ hợp đồng B.O.T.
Ngân hàng Tiên Phong - CN Bến Thành	323.682.300.319	8 năm	29/07/2028	Thả nổi, lãi suất trong năm là 11,65%-13,05%/năm	Thanh toán khoản vay từ công ty CII theo hợp đồng hỗ trợ vốn số 27/2015/HĐ-CII	- Quyền thu phí dự án "Nâng cấp, mở rộng đường ĐT 741 tỉnh Bình Dương". - Toàn bộ phần vốn góp của Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình tại Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG.
	10.411.530.866	5 năm	26/04/2026	Thả nổi, lãi suất trong năm từ 11,65%-13,2%/năm	Tài trợ kinh phí cải tạo nâng cấp cầu Phước Hoà cũ đường ĐT741 tỉnh Bình Dương	- Toàn bộ cổ phần của Công ty CIIBR tại Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình. - Toàn bộ cổ phần của Công ty CIIBR tại Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu.
	14.042.187.500	5 năm	24/09/2026	Thả nổi, lãi suất trong năm là 11,65%-12,5%/năm	Tài trợ kinh phí trung tu đợt 3 và lắp đặt dải phân cách đường ĐT741 tỉnh Bình Dương	

**348.136.018.685**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**20. Vay và nợ thuế tài chính** (tiếp theo)**b. Vay dài hạn** (tiếp theo)**Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn** (tiếp theo)

Bên cho vay	Số dư vay	Thời hạn vay	Ngày đáo hạn	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Công ty CII	293.903.289.283	10 năm	31/12/2033	10,5%/năm	Tài trợ kinh phí cho dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội	Không có tài sản đảm bảo.
	919.579.815.131	Tương đương thời gian thu phí, dự kiến là 14 năm 8 tháng		10,5%/năm	Tài trợ dự án B.O.T đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận	Không có tài sản đảm bảo.
	<b>1.213.483.104.414</b>					

**Lịch thanh toán các khoản nợ vay dài hạn**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Trong vòng một năm	978.273.054.311	583.509.986.666
Trong năm thứ hai	1.121.930.862.353	554.854.765.189
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	2.951.475.372.876	2.147.372.967.723
Sau năm năm	8.046.292.073.392	2.816.157.648.508
	<b>13.097.971.362.932</b>	<b>6.101.895.368.086</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	(978.273.054.311)	(583.509.986.666)
<b>Cộng</b>	<b>12.119.698.308.621</b>	<b>5.518.385.381.420</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**21. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 01/01/2022</b>	<b>1.928.547.650.000</b>	<b>3.657.748.096</b>	<b>96.125.354.490</b>	<b>1.272.973.201.023</b>	<b>1.386.934.246.204</b>	<b>4.688.238.199.813</b>
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	291.247.556.840	171.343.644.440	462.591.201.280
Chia cổ tức	-	-	-	(77.141.906.000)	(221.362.754.674)	(298.504.660.674)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	9.902.820.107	(15.439.287.049)	-	(5.536.466.942)
Thoái vốn trong công ty con	-	-	-	-	(3.318.461.592)	(3.318.461.592)
<b>Tại ngày 31/12/2022</b>	<b>1.928.547.650.000</b>	<b>3.657.748.096</b>	<b>106.028.174.597</b>	<b>1.471.639.564.814</b>	<b>1.333.596.674.378</b>	<b>4.843.469.811.885</b>
<b>Tại ngày 01/01/2023</b>	<b>1.928.547.650.000</b>	<b>3.657.748.096</b>	<b>106.028.174.597</b>	<b>1.471.639.564.814</b>	<b>1.333.596.674.378</b>	<b>4.843.469.811.885</b>
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	691.595.269.613	235.633.642.920	927.228.912.533
Chia cổ tức (i)	-	-	-	(694.277.154.000)	(154.550.037.409)	(848.827.191.409)
Tăng do hợp nhất công ty con	-	-	-	-	265.998.988.819	265.998.988.819
Trích lập các quỹ, thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	(4.012.499.052)	-	(4.012.499.052)
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>	<b>1.928.547.650.000</b>	<b>3.657.748.096</b>	<b>106.028.174.597</b>	<b>1.464.945.181.375</b>	<b>1.680.679.268.708</b>	<b>5.183.858.022.776</b>

(i) Trong năm, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức năm 2017 (12%), năm 2020 (6%), năm 2021 (4%), năm 2022 (8%), và một phần cổ tức của năm 2023 (6%) với tổng tỷ lệ là 36% bằng tiền mặt.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)**21. Vốn chủ sở hữu** (tiếp theo)**b. Cổ phiếu**

	31/12/2023	01/01/2023
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	192.854.765	192.854.765
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	192.854.765	192.854.765
+ Cổ phiếu phổ thông	192.854.765	192.854.765
Số lượng cổ phiếu đã mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	192.854.765	192.854.765
+ Cổ phiếu phổ thông	192.854.765	192.854.765
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu		

**c. Cổ tức**

Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 12 tháng 4 năm 2023 đã thông qua việc chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2022 với tỷ lệ tối thiểu 8% bằng tiền mặt và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định thời điểm chi trả tùy thuộc vào tình hình tài chính của Công ty, đồng thời cũng đã thông qua kế hoạch chia cổ tức năm 2023 với tỷ lệ dự kiến là 16%.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	2023	2022
	VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu thu phí giao thông	1.687.046.307.620	1.444.794.518.426
Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.540.234.331	2.488.527.766
Doanh thu hoạt động duy tu, xây lắp công trình	6.044.278.343	111.300.000
	<b>1.702.630.820.294</b>	<b>1.447.394.346.192</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
Hoàn nhập lãi bảo toàn vốn chủ sở hữu dự án B.O.T	(105.606.623.638)	(106.692.788.920)
	<b>(105.606.623.638)</b>	<b>(106.692.788.920)</b>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>1.597.024.196.656</b>	<b>1.340.701.557.272</b>
<i>Trong đó, doanh thu phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan</i>		
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	11.990.913.627	-
Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn	332.002.664	651.325.832
Công ty Cổ phần Kỹ thuật En Vi Ro	40.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>12.362.916.291</b>	<b>651.325.832</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT** (tiếp theo)**2. Giá vốn hàng bán**

	2023	2022
	VND	VND
Giá vốn hoạt động thu phí giao thông	515.403.092.750	516.777.305.793
Giá vốn cung cấp dịch vụ	8.218.383.585	2.891.185.280
Giá vốn hoạt động duy tu, xây lắp công trình	3.116.304.605	111.300.000
<b>Cộng</b>	<b>526.737.780.940</b>	<b>519.779.791.073</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	2023	2022
	VND	VND
Lãi từ đánh giá lại giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại Công ty Trung Lương - Mỹ Thuận khi nắm quyền kiểm soát ( <i>Thuyết minh V.14</i> )	331.137.608.472	-
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	70.773.925.815	86.349.692.418
Lợi ích tài chính của hợp đồng B.O.T ( <i>i</i> )	16.315.734.081	5.839.359.419
<b>Cộng</b>	<b>418.227.268.368</b>	<b>92.189.051.837</b>

**Trong đó, doanh thu phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan**

Công ty CII	27.265.953.159	14.467.310.557
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	7.833.980.369	11.427.154.866
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	6.334.246.575	29.156.164.384
Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn	834.238.356	359.178.082
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	-	69.221.667
Công ty CII E&C	-	99.166.666
<b>Cộng</b>	<b>42.268.418.459</b>	<b>55.578.196.222</b>

- (i) Trong Hợp đồng B.O.T Dự án đầu tư mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận thể hiện rằng lãi suất được áp dụng để tính thời gian hoàn vốn được lấy theo mức lãi suất khoán cụ thể cho từng giai đoạn trong thời gian thu phí. Công ty đã đàm phán được nguồn vốn vay với lãi suất vay thấp, do đó Công ty được hưởng một khoản lợi ích tài chính theo điều khoản lãi vay quy định trong hợp đồng B.O.T.

**4. Chi phí tài chính**

	2023	2022
	VND	VND
Chi phí lãi vay	344.029.156.218	293.974.293.452
Lỗ chuyển nhượng các khoản đầu tư tài chính	-	4.811.519.725
Chi phí tài chính khác	1.181.484.201	-
<b>Cộng</b>	<b>345.210.640.419</b>	<b>298.785.813.177</b>

**Trong đó, chi phí tài chính phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan**

Công ty CII	47.306.430.154	89.648.727.414
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	39.980.061.369	4.347.585.090
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII	6.878.767.123	-
Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ	1.000.547.946	-
<b>Cộng</b>	<b>95.165.806.592</b>	<b>93.996.312.504</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT** (tiếp theo)**5. Chi phí bán hàng**

	2023 VND	2022 VND
Chi phí dịch vụ thu hộ phí giao thông	86.143.702.775	86.080.368.770
Chi phí lương nhân viên	5.226.866.828	7.188.191.930
Chi phí vận hành trạm thu phí	12.394.161.765	-
Các khoản chi phí bán hàng khác	11.138.134.496	14.390.053.561
<b>Cộng</b>	<b>114.902.865.864</b>	<b>107.658.614.261</b>

*Trong đó, chi phí phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan*

Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	39.258.273.819	39.046.997.084
Công ty Cổ phần Dịch vụ Quản lý Khai thác Cầu đường CII	7.012.366.156	10.562.699.518
Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ	3.325.863.007	3.332.272.364
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	163.636.364	163.636.365
Công ty CII	163.636.364	163.636.364
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	69.444.444	-
<b>Cộng</b>	<b>49.993.220.154</b>	<b>53.269.241.695</b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	2023 VND	2022 VND
Phân bổ lợi thế thương mại	15.098.507.951	10.855.000.875
Chi phí lương nhân viên	16.474.454.497	9.867.510.493
Chi phí công cụ, dụng cụ văn phòng	1.039.843.479	1.525.678.929
Chi phí khấu hao tài sản cố định	28.401.803.953	13.878.086.084
Dự phòng phải thu khó đòi	51.176.018.182	12.391.877.014
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.143.060.745	3.630.327.777
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	11.805.726.915	5.692.324.705
<b>Cộng</b>	<b>131.139.415.722</b>	<b>57.840.805.877</b>

*Trong đó, chi phí phát sinh từ giao dịch với bên liên quan*

Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ	26.400.000	28.600.000
--	------------	------------

**7. Thu nhập khác**

	2023 VND	2022 VND
Lãi từ giao dịch mua giá rẻ (xem thêm Thuyết minh V.14)	5.024.475.588	-
Thu nhập từ cho thuê máy móc thiết bị	81.818.181	109.090.908
Thu nhập từ xóa các khoản nợ phải trả	113.036.075	-
Thu nhập khác	92.727.273	325.144.445
<b>Cộng</b>	<b>5.312.057.117</b>	<b>434.235.353</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT** (tiếp theo)**8. Chi phí khác**

	2023	2022
	VND	VND
Chi phí bồi thường hộ dân bị ảnh hưởng khi thi công dự án B.O.T	5.919.567.461	-
Phạt vi phạm hành chính, chậm nộp thuế, truy thu thuế	51.319.969	630.704.721
Chi phí khác	966.344.061	7.902.645
<b>Cộng</b>	<b>6.937.231.491</b>	<b>638.607.366</b>

**9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	2023	2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	998.741.364	388.040.793
Chi phí nhân công	33.425.989.951	21.181.298.473
Chi phí khấu hao tài sản cố định	395.215.619.156	408.541.446.083
Chi phí dự phòng	49.482.670.179	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	269.475.811.951	170.603.079.514
Chi phí bằng tiền khác	11.806.532.248	9.271.592.852
<b>Cộng</b>	<b>760.405.364.849</b>	<b>609.985.457.715</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT** (tiếp theo)**10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	2023		2022	
	Hoạt động được ưu đãi thuế VND	Hoạt động không được ưu đãi thuế VND	Hoạt động được ưu đãi thuế VND	Hoạt động không được ưu đãi thuế VND
<b>Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế</b>	<b>771.409.463.153</b>	<b>193.777.149.658</b>	<b>571.712.874.292</b>	<b>(85.905.111.139)</b>
<b>Các khoản điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>	<b>(348.489.276)</b>	<b>(242.679.707.356)</b>	<b>2.331.762.935</b>	<b>139.082.187.578</b>
Lãi chênh lệch do đánh giá lại giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào công ty con	-	(331.137.608.472)	-	-
Lợi nhuận từ công ty liên doanh, liên kết	-	(69.551.025.106)	-	(37.186.550.445)
Phần bổ giá trị của quyền thu phí được định giá lại khi hợp nhất	-	26.460.683.434	-	13.650.901.380
Lợi thế thương mại phân bổ	-	15.098.507.951	-	10.855.000.875
Hoàn nhập lợi nhuận/lỗ chịu thuế bị bù trừ khi hợp nhất	-	70.196.898.288	703.762.497	148.906.732.499
Lãi từ giao dịch mua giá rẻ	-	(5.024.475.588)	-	-
Lỗ chuyển nhượng khoản đầu tư tài chính	-	-	-	1.351.531.590
Chi phí không hợp lý, hợp lệ	(348.489.276)	51.277.312.137	1.628.000.438	1.504.571.679
<b>Tổng thu nhập chịu thuế</b>	<b>771.060.973.877</b>	<b>(48.902.557.698)</b>	<b>574.044.637.227</b>	<b>53.177.076.439</b>
Bù trừ lãi và lỗ giữa các hoạt động	(106.760.940.697)	106.760.940.697	-	-
Lỗ tính thuế mang sang	(692.121.497)	-	-	-
<b>Tổng thu nhập tính thuế</b>	<b>663.607.911.683</b>	<b>57.858.382.999</b>	<b>574.044.637.227</b>	<b>53.177.076.439</b>
Thu nhập tính thuế 20%	103.306.373.057	57.858.382.999	56.620.987.322	53.177.076.439
Thu nhập tính thuế 10%	560.301.538.626	-	517.423.649.905	-
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>76.691.428.474</b>	<b>11.571.676.601</b>	<b>63.066.562.455</b>	<b>10.635.415.288</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn (i)	(59.491.098.202)	-	(48.501.886.892)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 50% (i)	(5.837.366.294)	-	(3.977.618.710)	-
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước	-	-	1.175.850.373	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>11.362.963.978</b>	<b>11.571.676.601</b>	<b>11.762.907.226</b>	<b>10.635.415.288</b>
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>22.934.640.579</b>	<b>22.934.640.579</b>	<b>22.398.322.514</b>	<b>22.398.322.514</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT** (tiếp theo)**10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành** (tiếp theo)

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập tính thuế của các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường.

(i) Hoạt động đầu tư vào các dự án hạ tầng theo hợp đồng B.O.T và B.T được hưởng ưu đãi thuế theo quy định của luật thuế TNDN hiện hành. Cụ thể, thu nhập phát sinh từ các dự án đầu tư này được hưởng mức thuế suất ưu đãi là 10% trong vòng 15 năm, miễn thuế trong vòng 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo.

**11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	2023	2022
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	691.595.269.613	291.247.556.840
Số trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	(4.186.339.571)	(4.012.499.052)
<b>Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông Công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>687.408.930.042</b>	<b>287.235.057.788</b>
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ	192.854.765	192.854.765
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>3.564</b>	<b>1.489</b>

Số trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi và thù lao kỳ này giảm trừ vào lợi nhuận dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu được ước tính với tỷ lệ 1,5% lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính riêng theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023 đã được Đại hội cổ đông thông qua.

**VII. THÔNG TIN KHÁC****1. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất**

	2023	2022
	VND	VND
<b>Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ</b>		
Cán trừ công nợ với giá mua thêm cổ phần công ty Trung Lương - Mỹ Thuận (i)	437.402.631.387	-
<b>Số tiền đi vay thực thu trong năm (mã số 33)</b>		
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	9.314.089.237.172	878.396.629.052
Tiền thu từ đi vay các Công ty trong tập đoàn	3.230.862.094.628	793.620.000.000
	<b>12.544.951.331.800</b>	<b>1.672.016.629.052</b>
<b>Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm (mã số 34)</b>		
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	7.944.530.807.950	324.447.354.792
Tiền trả nợ vay các Công ty trong tập đoàn	3.617.229.043.283	1.037.569.642.610
	<b>11.561.759.851.233</b>	<b>1.362.016.997.402</b>

(i) Trong năm, Công ty mua thêm 39% vốn cổ phần trong công ty Trung Lương - Mỹ Thuận từ Công ty Tuấn Lộc. Giá phí của cổ phần mua thêm được cán trừ với khoản nợ phải thu về cho vay và phải thu khác từ Tuấn Lộc tại ngày mua. Do vậy giao dịch này làm tăng một khoản đầu tư vào công ty con và giảm các khoản nợ phải thu tương ứng mà không được thể hiện vào dòng tiền đầu tư vào đơn vị khác trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**VII. THÔNG TIN KHÁC** (tiếp theo)**2. Cam kết thuê hoạt động**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các hợp đồng thuê văn phòng không thể hủy ngang, theo đó khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu phải thu trong tương lai của hợp đồng cho thuê hoạt động như sau:

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Trong vòng một năm	4.030.021.971	2.666.255.664
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	7.855.179.238	5.471.378.811
<b>Cộng</b>	<b>11.885.201.208</b>	<b>8.137.634.475</b>

**3. Báo cáo bộ phận**

Để phục vụ cho mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành các bộ phận khác nhau. Theo đó, báo cáo bộ phận chính yếu dựa trên loại hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm: các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm: tài sản, nợ phải trả, doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các bộ phận hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm 3 bộ phận như sau: hoạt động thu phí giao thông; hoạt động thi công lắp đặt, duy tu công trình; cung cấp dịch vụ. Hoạt động cụ thể của từng bộ phận kinh doanh như sau:

- Hoạt động thu phí giao thông: thu phí giao thông hoàn vốn đầu tư xây dựng dự án cầu đường theo hợp đồng B.O.T;
- Hoạt động thi công lắp đặt, duy tu công trình: thi công lắp đặt thiết bị các công trình chiếu sáng, duy tu bảo dưỡng các công trình công cộng;
- Hoạt động cung cấp dịch vụ: cho thuê văn phòng, kho bãi; tư vấn quản lý và khai thác thu phí giao thông và các dịch vụ khác.

Công ty lập báo cáo bộ phận theo 3 bộ phận kinh doanh này. Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**VII. THÔNG TIN KHÁC** (tiếp theo)

**3. Báo cáo bộ phận** (tiếp theo)

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

	Hoạt động thu phí giao thông	Thi công lắp đặt, duy tu công trình	Cung cấp dịch vụ	Loại trừ giao dịch nội bộ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Doanh thu thuần</b>					
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.581.439.683.982	6.044.278.343	9.540.234.331	-	1.597.024.196.656
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	39.744.575.293	9.961.007.796	(49.705.583.089)	-
<b>Cộng</b>	<b>1.581.439.683.982</b>	<b>45.788.853.636</b>	<b>19.501.242.127</b>	<b>(49.705.583.089)</b>	<b>1.597.024.196.656</b>
<b>Giá vốn</b>					
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp ra bên ngoài	515.403.092.750	2.700.277.309	8.634.410.881	-	526.737.780.940
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp giữa các bộ phận	-	39.744.575.293	2.958.296.757	(42.702.872.050)	-
<b>Cộng</b>	<b>515.403.092.750</b>	<b>42.444.852.602</b>	<b>11.592.707.638</b>	<b>(42.702.872.050)</b>	<b>526.737.780.940</b>
<b>Lợi nhuận gộp bộ phận</b>	<b>1.066.036.591.232</b>	<b>3.344.001.034</b>	<b>7.908.534.489</b>	<b>(7.002.711.039)</b>	<b>1.070.286.415.716</b>
Doanh thu hoạt động tài chính					418.227.268.368
Chi phí tài chính					345.210.640.419
Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết					69.551.025.106
Chi phí bán hàng					114.902.865.864
Chi phí quản lý doanh nghiệp					131.139.415.722
Thu nhập khác					5.312.057.117
Chi phí khác					6.937.231.491
Chi phí thuế TNDN hiện hành					22.934.640.579
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại					15.023.059.699
<b>Tổng lợi nhuận sau thuế</b>					<b>927.228.912.533</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**VII. THÔNG TIN KHÁC** (tiếp theo)**3. Báo cáo bộ phận** (tiếp theo)**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**

	Hoạt động thu phí giao thông		Thi công lắp đặt, duy tu công trình		Cung cấp dịch vụ		Loại trừ giao dịch nội bộ		Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
<b>Doanh thu thuần</b>									
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.338.101.729.506	111.300.000	2.488.527.766						1.340.701.557.272
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	1.003.895.402	5.729.077.262	(6.732.972.664)					-
<b>Cộng</b>	<b>1.338.101.729.506</b>	<b>1.115.195.402</b>	<b>8.217.605.028</b>	<b>(6.732.972.664)</b>					<b>1.340.701.557.272</b>
<b>Giá vốn</b>									
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp ra bên ngoài	516.777.305.793	111.300.000	2.891.185.280						519.779.791.073
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp giữa các bộ phận	-	1.003.895.402	-	(1.003.895.402)					-
<b>Cộng</b>	<b>516.777.305.793</b>	<b>1.115.195.402</b>	<b>2.891.185.280</b>	<b>(1.003.895.402)</b>					<b>519.779.791.073</b>
<b>Lợi nhuận gộp bộ phận</b>	<b>821.324.423.713</b>	<b>-</b>	<b>5.326.419.748</b>	<b>(5.729.077.262)</b>					<b>820.921.766.199</b>
Doanh thu hoạt động tài chính									92.189.051.837
Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết									37.186.550.445
Chi phí tài chính									298.785.813.177
Chi phí bán hàng									107.658.614.261
Chi phí quản lý doanh nghiệp									57.840.805.877
Thu nhập khác									434.235.353
Chi phí khác									638.607.366
Chi phí thuế TNDN hiện hành									22.398.322.514
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại									818.239.359
<b>Tổng lợi nhuận sau thuế</b>									<b>462.591.201.280</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**VII. THÔNG TIN KHÁC** (tiếp theo)**3. Báo cáo bộ phận** (tiếp theo)**Bộ phận theo khu vực địa lý**

Công ty hoạt động tại chủ yếu tại Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Tiền Giang, tỉnh Ninh Thuận, tỉnh Bình Thuận, tỉnh Trà Vinh và tỉnh Bình Dương. Bộ phận quản lý, thi công lắp đặt duy tu công trình, dịch vụ cho thuê mặt bằng và tư vấn được đặt tại Thành phố Hồ Chí Minh, hoạt động thu phí giao thông được thực hiện tại các tỉnh còn lại. Dưới đây là phân tích tài sản và nợ phải trả, doanh thu thuần, giá vốn và lợi nhuận gộp của Công ty theo khu vực địa lý, không tính đến xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ:

	Thành phố Hồ Chí Minh VND							Tổng cộng VND
	Tỉnh Tiền Giang VND	Tỉnh Ninh Thuận VND	Tỉnh Bình Thuận VND	Tỉnh Bình Dương VND	Tỉnh Trà Vinh VND	Loại trừ nội bộ VND		
<b>Bảng cân đối kế toán</b>								
<i>Tại ngày 31/12/2023</i>								
Tài sản ngắn hạn	1.996.519.300.695	315.903.179.213	268.225.207.354	80.455.796.025	15.119.578.191	-1.303.365.423.036	1.727.961.289.823	
Tài sản dài hạn	5.816.539.424.018	9.939.376.655.607	2.518.493.900.847	1.113.515.855.989	835.295.347.602	293.238.448.858	21.185.742.049.392	
Nợ phải trả	7.428.493.002.301	8.498.143.886.178	1.879.833.938.073	656.265.563.198	557.681.641.415	-1.553.261.733.264	17.729.845.316.439	
<i>Tại ngày 01/01/2023</i>								
Tài sản ngắn hạn	1.595.382.135.108	-	161.092.958.328	271.942.655.379	10.888.774.004	(804.939.881.278)	1.244.495.109.979	
Tài sản dài hạn	6.555.916.953.924	-	2.483.406.865.149	1.196.764.844.009	669.151.012.561	(222.985.066.455)	11.505.588.172.385	
Nợ phải trả	5.667.161.487.893	-	1.693.044.922.506	764.232.422.123	219.680.237.152	-1.032.901.549.961	7.906.613.470.479	

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Doanh thu thuần	698.215.559.378	214.094.311.766	267.981.932.904	101.568.189.805	110.758.985.437	(49.705.583.089)	1.597.024.196.656
Giá vốn	149.482.218.882	66.214.592.600	145.449.903.302	36.887.223.471	28.007.110.143	-	526.737.780.940
Lợi nhuận gộp	548.733.340.496	147.879.719.166	122.532.029.602	64.680.966.334	82.751.875.294	(49.705.583.089)	1.070.286.415.716

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Doanh thu thuần	578.047.897.587	-	237.473.376.425	174.617.095.066	108.059.216.077	(6.732.972.664)	1.340.701.557.272
Giá vốn	180.874.097.295	-	159.399.828.365	119.727.471.435	26.726.221.892	-	519.779.791.073
Lợi nhuận gộp	397.173.800.292	-	78.073.548.060	141.564.922.980	81.332.994.185	(6.732.972.664)	820.921.766.199

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**VII. THÔNG TIN KHÁC** (tiếp theo)**4. Bên liên quan****Bên liên quan****Mối quan hệ**

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (CII)

Công ty mẹ

Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Bình Triệu

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Vinaphil

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty TNHH Đô thị xanh Sài Gòn Long Khánh

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty TNHH MTV Cầu Sài Gòn

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII (CII E&C)

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty TNHH MTV Hạ Tầng Trung Bộ (i)

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy (NBB)

Công ty liên kết của tập đoàn

Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi (NQN) (ii)

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn (SII) (iii)

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Gia Lai (iii)

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Đankia (iii)

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi (iii)

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN (iii)

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro (iii)

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku (iii)

Công ty liên kết của tập đoàn

Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp (iii)

Công ty liên kết của tập đoàn

Công ty Cổ phần nước Sài Gòn - An Khê (iii)

Công ty liên kết của tập đoàn

(i) Công ty con của Công ty CII được thành lập mới vào ngày 07 tháng 3 năm 2023.

(ii) Ngày 24 tháng 6 năm 2023, Công ty CII E&C đã ký hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ vốn trong Công ty NQN cho Công ty NBB.

(iii) Ngày 26 tháng 6 năm 2023, Công ty CII đã thoái vốn một phần dẫn đến mất quyền kiểm soát Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn (Công ty SII). Do đó, Công ty SII và nhóm các công ty con, công ty liên kết của công ty này không còn là bên liên quan của Công ty kể từ ngày 26 tháng 6 năm 2023.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**VII. THÔNG TIN KHÁC** (tiếp theo)**4. Bên liên quan** (tiếp theo)

Ngoài các số dư và giao dịch với bên liên quan đã được trình bày tại các thuyết minh khác của Báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Công ty còn có các giao dịch chủ yếu khác với các bên liên quan như sau:

	2023 VND	2022 VND
<b>Công ty CII</b>		
Nhận tiền gốc, lãi hợp tác đầu tư và hỗ trợ vốn	262.347.191.188	793.620.000.000
Thanh toán tiền gốc hỗ trợ vốn	3.617.229.043.283	1.037.569.642.610
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	427.500.000.000	122.500.000.000
Nhận lại tiền hỗ trợ vốn	-	51.701.150.903
Thu hồi tiền hỗ trợ vốn	56.757.382.408	-
Thu tiền lãi hỗ trợ vốn	3.289.383.562	-
Thanh toán tiền lãi hỗ trợ vốn	385.526.224.676	196.330.357.390
Cổ tức, lợi nhuận đã chia trong năm	323.687.534.923	162.594.970.380
Thu hồi tiền chuyển nhượng vốn trong công ty Cầu Sài Gòn	24.988.350.000	-
<b>Công ty CII E&amp;C</b>		
Nhận tiền thanh toán theo hợp đồng chuyển nhượng	750.000.000.000	-
Chi phí thi công xây dựng công trình và trung tu, sửa chữa đường bộ	34.202.039.911	110.588.213.538
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	-	3.000.000.000
Nhận lại tiền hỗ trợ vốn	-	3.000.000.000
<b>Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII</b>		
Chi phí duy tu, sửa chữa bảo trì đường bộ	44.095.516.312	52.988.174.918
Chi phí thi công xây dựng công trình và trung tu, sửa chữa đường bộ	33.234.542.143	-
Chi phí dịch vụ cung cấp và khảo sát lưu lượng xe	688.847.730	780.217.000
Thu hồi tiền hỗ trợ vốn	-	5.943.000.000
Thu tiền lãi hỗ trợ vốn	-	409.706.042
<b>Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm</b>		
Nhận tiền thanh toán theo hợp đồng chuyển nhượng	892.510.000.000	-
Chuyển trả tiền lãi theo hợp đồng chuyển nhượng	39.685.717.699	-
Nhận hoàn trả tiền theo hợp đồng hợp tác kinh doanh	200.000.000.000	-
Chuyển tiền theo hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	200.000.000.000
<b>Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ</b>		
Nhận tiền thanh toán theo hợp đồng chuyển nhượng	614.000.000.000	-
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy</b>		
Thanh toán tiền hỗ trợ vốn	400.000.000.000	-
Chuyển tiền hợp tác đầu tư	-	400.000.000.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**VII. THÔNG TIN KHÁC** (tiếp theo)**4. Bên liên quan** (tiếp theo)**Tiền lương, thưởng và các khoản thu nhập khác của Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác được hưởng trong năm:**

Họ và tên	Chức vụ	2023 VND	2022 VND
Ông Nguyễn Văn Chính	Tổng Giám đốc	1.708.279.175	1.587.032.778
Ông Francis Gerard Elizaga Aberilla	Phó Tổng Giám đốc	926.695.057	943.444.094
Ông Nguyễn Minh Trí	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2023)	203.153.187	432.439.104
Bà Lương Thị Thu Yến	Kế toán trưởng	631.610.118	573.787.317
<b>Cộng</b>		<b>3.469.737.537</b>	<b>3.536.703.293</b>

**Trong năm, Công ty chi trả thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát như sau:**

Họ và tên	Chức vụ	2023 VND	2022 VND
<b><u>Hội đồng Quản trị</u></b>			
Ông Lê Vũ Hoàng	Chủ tịch	200.625.000	148.542.300
Ông Rodrigo Emmanuel Franco	Phó Chủ tịch	160.500.000	248.313.840
Ông Lê Quốc Bình	Thành viên	133.750.000	99.028.200
Ông Nguyễn Văn Chính	Thành viên	133.750.000	66.018.800
Ông Dương Trường Hải	Thành viên	133.750.000	99.028.200
Ông Phạm Thế Chính	Thành viên	-	33.009.400
Ông Denn Charly Gonzales Espanola	Thành viên	-	35.966.667
Ông Francis Gerard Elizaga Aberilla	Thành viên	133.750.000	170.961.533
Ông Christopher Daniel C. Lizo	Thành viên	133.750.000	170.961.533
<b>Cộng</b>		<b>1.029.875.000</b>	<b>1.071.830.473</b>
<b><u>Ban Kiểm soát</u></b>			
Ông Trần Ngọc Tiến	Trưởng ban Kiểm soát	107.000.000	79.222.560
Bà Dương Thị Long Nghi	Thành viên	80.250.000	59.416.920
Bà Lương Kim Diên An	Thành viên	80.250.000	59.416.920
<b>Cộng</b>		<b>267.500.000</b>	<b>198.056.400</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**VII. THÔNG TIN KHÁC** (tiếp theo)**5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán**

Ngày 03 tháng 01 năm 2024, Công ty đã thực hiện tất toán trước khoản vay có thời hạn 8 năm đáo hạn vào ngày 29 tháng 7 năm 2028 của Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Bến Thành với số tiền là 323.682.300.319 đồng.

Trong năm, Chủ tịch Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận - Công ty con của Công ty đã ban hành Quyết định số 93/QĐ-BOT.NT về việc thông qua phương án phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ với tổng mệnh giá tối đa là 1.200 tỷ đồng. Ngày 29 tháng 01 năm 2024, Công ty Ninh Thuận đã nhận được tiền mua trái phiếu từ Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (Công ty CII) với giá trị là 1.200 tỷ đồng. Công ty Ninh Thuận đang hoàn thiện các thủ tục hồ sơ liên quan đến đăng ký, lưu ký chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Thông tin bổ sung cho trái phiếu doanh nghiệp phát hành như sau:

- Mã trái phiếu: BNTCH2433001;
- Mệnh giá trái phiếu: 100.000.000 đồng/trái phiếu;
- Số lượng trái phiếu phát hành: 12.000;
- Loại trái phiếu: trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi, không kèm chứng quyền; không được đảm bảo bằng tài sản; không phải nợ thứ cấp và xác lập nghĩa vụ nợ trực tiếp của Tổ chức phát hành;
- Mục đích sử dụng nguồn vốn theo phương án phát hành: Thanh toán khoản nợ vay dài hạn cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 11 Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng số 60/2014-HĐTDDA/NHCT942-BOT NINH THUẬN ngày 26 tháng 8 năm 2014.

Ngày 24 tháng 6 năm 2023 Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội - Công ty con của Công ty đã ban hành Nghị quyết số 39/NQ-ĐHĐCĐ về việc thông qua phương án phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ với tổng mệnh giá tối đa là 550 tỷ đồng. Ngày 07 tháng 2 năm 2024, Công ty Xa lộ Hà Nội đã nhận được tiền mua trái phiếu từ Công ty CII - Công ty mẹ của Công ty với giá trị là 550 tỷ đồng. Công ty Xa lộ Hà Nội đang hoàn thiện các thủ tục liên quan đến đăng ký, lưu ký chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Thông tin bổ sung cho trái phiếu doanh nghiệp phát hành như sau:

- Mã trái phiếu: HNHCH2433001;
- Mệnh giá trái phiếu: 100.000.000 đồng/trái phiếu;
- Số lượng trái phiếu phát hành: 5.500;
- Loại trái phiếu: trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi, không kèm chứng quyền; không được đảm bảo bằng tài sản; không phải nợ thứ cấp và xác lập nghĩa vụ nợ trực tiếp của Tổ chức phát hành;
- Mục đích sử dụng nguồn vốn theo phương án phát hành:
  - Thanh toán một phần khoản nợ vay dài hạn theo hợp đồng tín dụng số 0037/2338/D-TL/01 ngày 15 tháng 6 năm 2023 với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với số tiền 100 tỷ đồng.
  - Thanh toán kinh phí đầu tư Dự án Mở rộng Xa lộ Hà Nội và Quốc lộ 1, đoạn từ ngã ba Trạm 2 cũ đến nút giao Tân Vạn theo hình thức Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao với số tiền là 450 tỷ đồng.

Ngoài các sự kiện nêu trên, không còn sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán cần được điều chỉnh hoặc công bố trên báo cáo tài chính hợp nhất.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**VII. THÔNG TIN KHÁC** (tiếp theo)

**6. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán.



**Phùng Thị Thắm**  
Người lập biểu



**Lương Thị Thu Yên**  
Kế toán trưởng



**Nguyễn Văn Chính**  
Tổng Giám đốc

Ngày 6 tháng 3 năm 2024

